

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Nguyễn Văn Bắc

Giảng viên hướng dẫn: ThS Đào Thị Thanh Mai

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**TÌM HIỂU TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở Y TÝ –
LÀO CAI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

Sinh viên : Nguyễn Văn Bắc

Giảng viên hướng dẫn: ThS Đào Thị Thanh Mai

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Văn Bắc

Mã SV: 1512601008

Lớp : VH1901

Ngành: Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

Tên đề tài: Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý – Lào Cai

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý – Lào Cai
- Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển du lịch ở Y Tý

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Các tài liệu lý luận cơ bản tài nguyên du lịch
- Các dữ liệu về tài nguyên du lịch ở Y Tý – Lào Cai

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Giáo Dục và Du Lịch 1989 Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Đào Thị Thanh Mai

Học hàm, học vị : ThS

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý – Lào Cai

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 20 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 12 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Văn Bắc

ThS. Đào Thị Thanh Mai

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ThS. Đào Thị Thanh Mai
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Văn Bắc Chuyên ngành: Văn hóa du lịch
Đề tài tốt nghiệp: Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu để phục vụ nội dung nghiên cứu.
- Có ý thức kỷ luật tốt, chăm chỉ, chịu khó học hỏi.
- Hoàn thành đề tài đúng thời hạn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Đề tài đáp ứng yêu cầu đề ra về lý luận và thực tiễn, đạt chất lượng tốt của khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2019
Giảng viên hướng dẫn

ThS. Đào Thị Thanh Mai

LỜI CẢM ƠN

Với mỗi sinh viên việc được làm khóa luận là một niềm vinh dự sau bốn năm học đại học. Khóa luận được hoàn thành là một kỳ tích đầu tiên trong đời sinh viên. Để có được điều đó lời đầu tiên em xin bày tỏ lòng biết ơn trân thành tới các thầy cô trong khoa văn hóa du lịch đã tận tâm chỉ bảo, giúp đỡ chúng em trong 4 năm học vừa qua.

Đặc biệt em xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến ThS Đào Thị Thanh Mai, người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn và giúp đỡ em trong thời gian làm đề tài khóa luận vừa qua.

Để có được số liệu đảm bảo tính chính xác và đầy đủ trong đề tài. Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Phòng văn hóa thông tin xã Y Tý, anh Ly Xá Xuy homestay Y Tý Clouds đã tạo điều kiện thuận lợi cũng như cung cấp các thông tin để em có thể hoàn thành khóa luận này.

Do thời gian nghiên cứu, tìm hiểu ngắn và do kiến thức còn hạn chế, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý và thông cảm của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Văn Bắc

Khóa luận: Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý – Lào Cai.

A. Mục lục

Phần mở đầu:	5
1. Lí do chọn đề tài.....	5
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài.....	6
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4. Phương pháp nghiên cứu.....	6
5. Kết cấu của khóa luận.....	7

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....8

1.1 Quan niệm về du lịch.....	8
1.2 Vai trò của hoạt động du lịch trong sự phát triển kinh tế - xã hội.....	9
1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch.....	9
1.3.1 Tài nguyên du lịch.....	10
1.3.2 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sự phát triển du lịch.....	20
1.3.2.1 Cơ sở hạ tầng.....	20
1.3.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	21
1.3.3 Chính sách phát triển du lịch.....	22
Tiểu kết chương 1.....	26

CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở Y TÝ – LÀO CAI 27

2.1 Khái quát chung về Lào Cai.....	27
2.1.1 Vị trí địa lý.....	27
2.1.2 Điều kiện tự nhiên.....	27
2.1.3 Dân cư.....	28
2.1.4 Lịch sử phát triển.....	29
2.1.5 Văn hóa.....	31
2.1.6 Các điểm du lịch nổi bật.....	32
2.1.7 Đặc sản.....	35
2.2 Tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý – Lào Cai.....	36
2.2.1 Khái quát về xã Y Tý.....	36
2.2.2 Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	37

2.2.2.1	Vị trí địa lý.....	38
2.2.2.1	Địa hình.....	38
2.2.2.2	Khí hậu.....	38
2.2.2.3	Lượng mưa.....	39
2.2.2.4	Tài nguyên nước.....	39
2.2.2.5	Tài nguyên đất	39
2.2.2.6	Tài nguyên rừng	40
2.2.3	Tài nguyên du lịch văn hóa – nhân văn	40
2.2.3.1	Các điểm tham quan văn hóa	40
2.2.3.2	Lễ hội.....	43
2.2.3.3	Các tộc người sinh sống.....	46
2.2.3.4	Nghệ thuật truyền thống.....	50
2.2.3.5	Ẩm thực.....	51
2.3	Đánh giá tài nguyên du lịch ở Y Tý.....	53
2.3.1	Lợi thế	53
2.3.2	Hạn chế	53

Tiểu kết chương 2

54

CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở Y TÝ..... 55

3.1	Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch....	55
3.1.1	Giao thông vận tải và thông tin liên lạc	55
3.1.2	Cơ sở lưu trú và nhà hàng phục vụ ăn uống	55
3.1.3	Dân cư và lao động	56
3.2	Định hướng phát triển	56
3.2.1	Định hướng phát triển du lịch ở Y Tý	56
3.2.2	Định hướng phát triển thị trường khách du lịch	57
3.2.2.1	Thị trường khách châu Âu	57
3.2.2.2	Thị trường khách Trung Quốc	57
3.2.2.3	Thị trường khách Việt	58
3.3	Một số giải pháp để phát triển du lịch	59
3.3.1	Xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng	59
3.3.2	Bảo tồn nhưng ngôi nhà cổ của người Hà Nhì	59
3.3.3	Tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư	60
3.3.4	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng.....	60
3.3.5	Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực du lịch	61
3.3.6	Thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch	62

3.3.7 Tăng cường xúc tiến quảng cáo cho điểm du lịch	63
Tiểu kết chương 3	63
KẾT LUẬN	65

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, trên thế giới du lịch đang phát triển mạnh mẽ để trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng. Theo tổ chức du lịch thế giới, du lịch đang là ngành kinh tế mũi nhọn, năng động nhất trên thế giới, đem lại nguồn lợi đáng kể và đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển của nền kinh tế thế giới những năm qua.

Ở Việt Nam, nhà nước ta đã xác định du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, quan trọng mang nội dung văn hoá sâu sắc có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Phát triển du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng của các tầng lớp nhân dân, của khách du lịch trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và tăng thu nhập cho nền kinh tế quốc dân. Bên cạnh đó, du lịch càng góp phần thúc đẩy giao lưu, phát triển văn hoá giữa các vùng, miền trong cả nước và quốc tế.

Lào Cai là một tỉnh địa đầu của tổ quốc, một tỉnh vùng cao biên giới, là trung tâm văn hóa, là trung tâm du lịch của vùng trung du và miền núi phía Bắc của Việt Nam. Với khu du lịch Sapa, là một trong 21 khu du lịch trọng điểm quốc gia, với nhiều thắng cảnh đẹp như đỉnh Fansipan – nóc nhà Đông Dương, Nhà Thờ Đá, núi Hàm Rồng, Thác Bạc, vườn quốc gia Hoàng Liên,... với các bản làng văn hóa Cát Cát, Tả Phìn,... với nhiều di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng như Đền Thượng, Đền Mẫu, dinh thự Hoàng A Tưởng,... đã thực sự trở thành trở thành điểm đến có sức hút đặc biệt đối với du khách.

Là một xã thuộc huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai, Y Tý cũng có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để đánh giá đúng thực trạng nguồn tài nguyên du lịch của Y Tý và thông qua đó đưa ra những ý kiến, những đề xuất, những kiến nghị và các giải pháp để có thể đưa Y Tý trở thành một khu du lịch gắn với tỉnh Lào Cai, để hoạt động du lịch ở Lào Cai ngày càng mở rộng và phát triển.

Trước thực tế nói trên và với mong muốn Y Tý thực sự trở thành một điểm đến du lịch, em đã lựa chọn đề tài “Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý - Lào Cai” cho khoá luận.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích:

Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích tiềm năng du lịch và đưa ra các giải pháp các định hướng phát triển du lịch trên địa bàn xã Y Tý nhằm tạo ra một số sản phẩm du lịch độc đáo có sức hút mạnh mẽ đối với du khách, đồng thời đóng góp vào sự phát triển du lịch của tỉnh Lào Cai, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn hàng đầu.

Nhiệm vụ:

Hệ thống hoá cơ sở lí luận về du lịch.

Phân tích tiềm năng để phát triển du lịch ở xã Y Tý.

Đề xuất một số định hướng và giải pháp để thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển tại Y Tý.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng hoạt động du lịch tại tỉnh Lào Cai.

Tài nguyên và hoạt động du lịch ở Y Tý – Lào Cai.

Phạm vi không gian xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết mục đích của khoá luận tác giả đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp khảo sát thực địa.

Phương pháp thu thập và sử lý số liệu.

Phương pháp phân tích tổng hợp.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục khoá luận gồm 3 chương.

Chương 1: Khái quát chung về tiềm năng phát triển du lịch.

Chương 2: Tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý – Lào Cai.

Chương 3: Định hướng và một số giải pháp phát triển du lịch.

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1 Quan niệm về du lịch

Thuật ngữ “du lịch” bắt nguồn từ tiếng Pháp: “Tour” nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn “touriste” là người đi dạo chơi. Ngày nay, tuy du lịch đã thực sự phát triển nhưng vẫn còn rất nhiều quan niệm khác nhau về du lịch.

Theo liên hiệp quốc tế các tổ chức lữ hành chính thức (International Union of official Travel Organization: IUOTO): “Du lịch được hiểu là hành động du hành đến một nơi khác với địa điểm cư trú thường xuyên của mình nhằm mục đích không để làm ăn, tức không phải để làm một nghề hay một việc kiếm tiền sinh sống...”

Tại hội nghị liên hiệp quốc tế về du lịch họp tại Roma - Italia (21/8- 5/9/1963), các chuyên gia đưa ra định nghĩa về du lịch: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ”.

Theo các nhà du lịch Trung Quốc thì: “Hoạt động du lịch là tổng hoà hàng loạt quan hệ và hiện tượng lấy sự tồn tại và phát triển kinh tế, xã hội nhất định làm cơ sở, lấy chủ thể du lịch, khách thể du lịch và trung gian du lịch làm điều kiện”.

Theo Pirogonic 1985 thì: “Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hoá hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hoá”.

Theo nhà kinh tế học người Áo Jozep Stander nhìn từ góc độ du khách thì: “Khách du lịch là loại khách đi tham gia các hoạt động ngoài nơi cư trú thường xuyên để thoả mãn sinh hoạt cao cấp mà không theo đuổi mục đích kinh tế”

Nhìn từ góc độ thay đổi về không gian của du khách: “Du lịch là một trong những hình thức di chuyển tạm thời từ một vùng này sang một vùng khác, từ một nước này sang một nước khác mà không thay đổi nơi cư trú hay nơi làm việc”.

Nhìn từ góc độ kinh tế: “Du lịch là một ngành kinh tế, dịch vụ có nhiệm vụ phục vụ cho nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ ngơi, có hoặc không kết hợp với các hoạt động chữa bệnh, thể thao, nghiên cứu khoa học và các nhu cầu khác”.

Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định - Luật du lịch Việt Nam

1.2 Vai trò của hoạt động du lịch trong sự phát triển kinh tế - xã hội

Ngành kinh doanh du lịch đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Nó không những đáp ứng nhu cầu tinh thần, vật chất của con người mà còn là một bộ phận không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng, một đất nước.

Hoạt động du lịch phát triển sẽ góp phần giải quyết được công ăn việc làm cho một số lượng lớn lao động, mang lại lợi ích cho chính bản thân họ và cộng đồng, giúp họ ngày càng nâng cao mức sống cả về vật chất cũng như tinh thần. Đồng thời góp phần hoàn thành mục tiêu, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước là: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”.

Hoạt động du lịch sẽ góp phần bảo vệ phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và ngược lại bảo vệ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là góp phần làm cho hoạt động du lịch phát triển. Ngày nay nhu cầu về du lịch văn hoá, du lịch nhân văn, du lịch trở về cội nguồn đang trở thành một nhu cầu cần thiết và chính đáng của con người thì mối quan hệ trên ngày càng trở nên gắn bó khăng khít với nhau.

Hoạt động du lịch phát triển sẽ góp phần tích cực vào bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên. Bởi vì sự tồn tại của du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường và cảnh quan, đồng thời đây cũng chính là mục tiêu của hoạt động du lịch.

Hoạt động du lịch phát triển còn góp phần giáo dục con người về tình yêu thiên nhiên, biết quý trọng những giá trị truyền thống. Qua đó mỗi chúng ta có dịp thể hiện lòng tự hào dân tộc, tình yêu đất nước, con người và môi trường xung quanh. Đây chính là yếu tố quyết định vì có yêu đất nước, tự hào về dân tộc thì con người mới có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy truyền thống quý giá tốt đẹp của dân tộc

1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch.

1.3.1 Tài nguyên du lịch

1.3.1.1 Khái niệm

Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch” - Luật du lịch Việt Nam

Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên cùng cảnh quan nhân văn có thể sử dụng cho dịch vụ du lịch và thoả mãn nhu cầu về chữa bệnh, nghỉ ngơi, tham quan hay du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hoá lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Trong ngành du lịch, đối tượng lao động là tài nguyên du lịch, còn dịch vụ du lịch được thể hiện như sản phẩm của quá trình lao động. Nét đặc trưng của ngành du lịch là sự trùng khớp về thời gian giữa quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ dịch vụ du lịch.

Tài nguyên du lịch là một phạm trù lịch sử, bởi vì những thay đổi cơ cấu và lượng nhu cầu đã lôi cuốn vào hoạt động du lịch những thành phần mới mang tính chất tự nhiên cũng như tính chất văn hoá lịch sử. Nó là một phạm trù động, bởi vì khái niệm tài nguyên du lịch thay đổi tùy thuộc vào sự tiến bộ kỹ thuật, sự cần thiết về kinh tế, tính hợp lý và mức độ nghiên cứu. Khi đánh giá tài nguyên và xác định hướng

khai thác chung ta cần phải tính đến những thay đổi trong tương lai về nhu cầu cũng như khả năng kinh tế - kỹ thuật khai thác các loại tài nguyên du lịch mới.

Mức độ khai thác tiềm năng tài nguyên du lịch phụ thuộc vào khả năng nghiên cứu, phát hiện và đánh giá các tiềm năng tài nguyên vốn còn tiềm ẩn, yêu cầu phát triển các sản phẩm du lịch, trình độ phát triển khoa học công nghệ nhằm tạo ra các phương tiện để khai thác các tiềm năng tài nguyên. Sự mở rộng các tài nguyên du lịch thường phụ thuộc rất nhiều vào yêu cầu phát triển du lịch, vào những tiến bộ khoa học kỹ thuật, vào sự đầu tư, vào các sáng kiến và sở thích của con người.

1.3.1.2 Đặc điểm tài nguyên du lịch

Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi, du lịch.

Thời gian có thể khai thác (như thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, thế nằm của lớp tuyết phủ ổn định) xác định tính mùa của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch.

Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

Khả năng sử dụng nhiều lần tài nguyên du lịch nếu tuân theo các qui định về sử dụng tự nhiên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chung.

1.3.1.3 Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có thể phân thành 2 nhóm là: tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn

A. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên tự nhiên là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta. Thiên nhiên là môi trường sống của con người và mọi sinh vật trên trái đất, nhưng chỉ có các thành phần và các thể tổng hợp tự nhiên trực tiếp hoặc gián tiếp được khai thác sử dụng tạo ra các sản phẩm du lịch mới được xem là tài nguyên du lịch tự nhiên.

Trong số các thành phần của tự nhiên, có một số thành phần chính có tác động trực tiếp và thường xuyên đối với các hoạt động du lịch, và trong số các thành phần này cũng chỉ có một số yếu tố nhất định được khai thác như nguồn tài nguyên du lịch. Các thành phần tự nhiên tạo nên tài nguyên du lịch tự nhiên thường là địa hình, khí hậu, thủy văn và sinh vật.

Các dạng tài nguyên luôn gắn bó với nhau, có quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung và hỗ trợ cho nhau và cùng được khai thác một lúc tạo nên sản phẩm du lịch hoàn chỉnh, có tính tổng quát cao. Vì thế các tài nguyên du lịch tự nhiên cần xem xét dưới góc độ tổng hợp của các dạng tài nguyên với nhau tại một đơn vị lãnh thổ có không gian và thời gian xác định

Địa hình

Địa hình hiện tại của bề mặt trái đất là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài (nội sinh, ngoại sinh). Trong chừng mực nhất định, mọi hoạt động sống của con

người trên một lãnh thổ đều phụ thuộc vào địa hình. Tất nhiên tùy thuộc vào mục đích hoạt động kinh tế mà sự phụ thuộc đó ít hay nhiều hay phụ thuộc vào khía cạnh này hay khía cạnh khác của địa hình. Đối với hoạt động du lịch, điều quan trọng nhất là đặc điểm hình thái địa hình, nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình có sức hấp dẫn khai thác cho du lịch.

Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi đồi và đồng bằng, chúng được phân biệt bởi độ chênh của địa hình. Khách du lịch thường ưa thích những nơi có phong cảnh đẹp và đa dạng, những vùng có nhiều đồi núi, và thường tránh những nơi bằng phẳng mà họ cho là tẻ nhạt, không thích hợp với du lịch.

Địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về ngoại hình, một cách trực tiếp ít gây những cảm hứng nhất định cho tham quan du lịch. Song đồng bằng là nơi thuận lợi cho hoạt động kinh tế, cho canh tác nông nghiệp nên từ lâu ở đây là nơi quần cư đông đúc. Thông qua các hoạt động nông nghiệp, văn hoá của con người địa hình đồng bằng có ảnh hưởng gián tiếp đến du lịch.

Địa hình vùng đồi thường tạo ra không gian thoáng đãng và bao la. Do sự phân cắt của địa hình nên có tác động mạnh đến tâm lý du lịch dã ngoại, rất thích hợp với các loại hình cắm trại, tham quan. Vùng đồi là nơi tập trung dân cư tương đối đông đúc, lại là nơi có những di tích khảo cổ và tài nguyên văn hoá, lịch sử độc đáo, tạo khả năng phát triển loại hình du lịch tham quan theo chuyên đề.

Trong các dạng địa hình thì miền núi có ý nghĩa lớn nhất đối với du lịch, đặc biệt là các khu vực thuận lợi cho việc tổ chức thể thao mùa đông, các nhà an dưỡng, các trạm nghỉ, các cơ sở du lịch, các khu vực có khả năng chuyển tiếp lộ trình, các đỉnh núi cao có thể nhìn toàn cảnh và thích hợp với môn thể thao leo núi... Trong tài nguyên du lịch miền núi, cùng với địa hình, khí hậu và thực động vật tạo nên tài nguyên du lịch tổng hợp có khả năng tổ chức các loại hình du lịch ngắn ngày cũng như dài ngày.

Ngoài các dạng địa hình chính với các ý nghĩa phục vụ du lịch khác nhau, cần chú ý đến các kiểu địa hình đặc biệt có giá trị rất lớn cho tổ chức du lịch:

Địa hình Karst: là địa hình được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hoà tan (đá vôi, đá phấn, thạch cao, muối mỏ...). Ở Việt Nam chủ yếu là đá vôi. Một trong những kiểu Karst được quan tâm nhất đối với du lịch là các hang động Karst. Cảnh quan của hang động Karst rất hấp dẫn khách du lịch. Đây chính là một nguồn tài nguyên du lịch, một loại hàng hoá đặc biệt có thể sinh lợi dễ dàng.

Các kiểu địa hình ven bờ các kho chứa nước lớn (đại dương, biển, sông, hồ...) có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch. Nói chung địa hình ven bờ có thể khai thác phục vụ du lịch với các mục đích khác nhau: từ tham quan du lịch theo chuyên đề đến nghỉ ngơi an dưỡng, tắm biển, thể thao nước. Có rất nhiều chỉ tiêu để đánh giá mức độ thuận lợi của bãi biển đối với các hoạt động du lịch như chiều dài, chiều rộng, độ mặn của cát, độ dốc độ trong của nước, độ mặn...

Khí hậu

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi trường tự nhiên đối với hoạt động du lịch. Nó thu hút người tham gia và người tổ chức du lịch qua khí hậu sinh học. Trong các chỉ tiêu khí hậu, đáng chú ý là hai chỉ tiêu chính: nhiệt độ không khí và độ ẩm

không khí. Ngoài ra còn có một số yếu tố khác như gió, lượng mưa, thành phần lý hoá của không khí, áp suất của khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến đi hoặc các hoạt động dịch vụ du lịch. Ở mức độ nhất định, cần phải lưu ý đến những hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở kế hoạch du lịch. Đó là những sự cố đáng kể ở Việt Nam như bão trên các vùng biển duyên hải, hải đảo, gió mùa đông bắc...

Du lịch có tính mùa rõ rệt. Điều đó bắt nguồn là bởi tính mùa của khí hậu. Các mùa du lịch khác nhau trên thế giới có mùa du lịch khác nhau do ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu. Phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, hoạt động du lịch có thể diễn ra quanh năm hoặc trong vòng vài tháng.

Mùa du lịch cả năm thích hợp với loại hình du lịch chữa bệnh ở suối khoáng, du lịch trên núi cả mùa đông và mùa hè. Ở vùng khí hậu nhiệt đới như ở các tỉnh phía Nam nước ta mùa du lịch hầu như cả năm.

Mùa đông là mùa du lịch trên núi. Sự kéo dài của mùa đông có ảnh hưởng tới khả năng phát triển du lịch thể thao mùa đông và các loại hình du lịch mùa đông khác.

Mùa hè là mùa du lịch quan trọng nhất vì có thể phát triển nhiều loại hình du lịch biển, các loại du lịch trên núi và khu vực đông băng đồi. Khả năng du lịch ngoài trời về mùa hè rất phong phú và đa dạng.

Nguồn nước

Tài nguyên nước bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm. Đối với du lịch thì nguồn nước mặt có ý nghĩa rất lớn. Nó bao gồm đại dương, biển, hồ, sông, hồ chứa nước nhân tạo, suối, Karst, thác nước, suối phun... Tùy theo thành phần lý hoá của nước, người ta phân ra nước ngọt, lục địa và nước mặn. Nguồn nước trên mặt không chỉ cung cấp cho nhu cầu của khu du lịch mà còn tạo các loại hình du lịch đa dạng như hồ, du lịch sông nước...

Trong tài nguyên nước cần phải nói đến nguồn nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị cho du lịch an dưỡng và chữa bệnh. Nước khoáng là nước thiên nhiên (chủ yếu ở dưới đất) chứa một thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hoá học, các khí, các nguyên tố phóng xạ...) hoặc có một số tính vật lý (nhiệt độ, độ PH...) có tác dụng đối với sức khỏe con người.

Một trong những công dụng quan trọng nhất của nước khoáng là để chữa bệnh. Để thuận lợi cho việc chữa bệnh người ta phân loại nước khoáng thành các nhóm chủ yếu sau:

Nhóm nước khoáng cacbonic là nhóm nước khoáng quý có công dụng giải khát rất tốt và chữa bệnh như cao huyết áp, xơ vữa động mạch nhẹ, các bệnh về thần kinh ngoại biên.

Nhóm nước khoáng silic có công hiệu đối với các bệnh về tiêu hoá, thần kinh, thấp khớp, phụ khoa.

Nhóm nước brom-iốt-bo có tác dụng chữa bệnh ngoài da, phụ khoa, thần kinh.

Ngoài ba nhóm nước khoáng trên còn có một số nhóm nước khoáng khác (sunahydro, asen-fluo, phóng xạ) cũng có giá trị đối với du lịch nghỉ ngơi và chữa bệnh.

Sinh vật

Hiện nay thị hiếu về du lịch càng trở nên đa dạng. Sau những ngày làm việc căng thẳng, con người muốn được thư giãn và hoà mình vào thiên nhiên. Từ đó xuất hiện loại hình du lịch mới: du lịch sinh thái, trong đó các khu bảo tồn thiên nhiên có vai trò quan trọng. Không phải mọi tài nguyên động thực vật đều là đối tượng của du lịch tham quan. Để phục vụ cho các mục đích du lịch khác nhau, người ta đưa ra các chỉ tiêu sau đây:

Chỉ tiêu phục vụ mục đích tham quan du lịch:

Thảm thực vật phong phú độc đáo và điển hình.

Có loài đặc trưng cho khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm đối với thế giới và trong nước.

Có một số động vật (thú, chim, bò sát, côn trùng, cá...) phong phú hoặc điển hình cho vùng.

Có các loài có thể khai thác làm đặc sản phục vụ nhu cầu của du khách.

Thực động vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt, một số loài phổ biến dễ quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc nghe được tiếng hót, tiếng kêu và có thể chụp ảnh được.

Đường giao thông thuận lợi cho việc đi lại, quan sát, vui chơi của khách

Chỉ tiêu đối với du lịch săn bắn thể thao:

Quy định loài được săn bắn là loài phổ biến, không ảnh hưởng đến số lượng quỹ gen, loài động vật hoạt động (ở dưới nước, mặt đất, trên cây), nhanh nhẹn. Ngoài ra khu vực dành cho săn bắn thể thao phải tương đối rộng, có địa hình tương đối dễ vận động, xa khu dân cư, đảm bảo tầm bay của đạn và sự an toàn tuyệt đối cho khách. Phải cấm dùng súng quân sự, mìn, chất nổ nguy hiểm.

Chỉ tiêu đối với mục đích du lịch nghiên cứu khoa học:

Nơi có hệ động thực vật phong phú đa dạng.

Nơi có tồn tại loài quý hiếm.

Nơi có thể đi lại, quan sát, chụp ảnh.

Có quy định thu mẫu của cơ quan quản lý.

B. Tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn là nhóm tài nguyên du lịch có nguồn gốc nhân tạo nghĩa là do con người sáng tạo ra. Theo quan điểm chung được chấp nhận hiện nay, toàn bộ những sản phẩm có giá trị về vật chất cũng như tinh thần do con người sáng tạo ra đều được coi là nguồn sản phẩm văn hoá. Tài nguyên du lịch nhân văn cũng chính là những giá trị văn hoá tiêu biểu cho mỗi nền dân tộc, mỗi quốc gia. Thông qua những hoạt động du lịch dựa trên việc khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn, khách du lịch có thể hiểu được những đặc trưng cơ bản về văn hoá của dân tộc, địa phương nơi mình đến.

Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm các dạng sau:

Các di tích lịch sử văn hoá (trong đó bao gồm các di sản văn hoá thế giới và các di tích lịch sử văn hoá thắng cảnh cấp quốc gia và địa phương).

Các lễ hội, các nghề và làng nghề thủ công truyền thống.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học.

Những đối tượng văn hoá thể thao và hoạt động nhận thức khác mang tính sự kiện.

Các di tích lịch sử văn hoá

Di tích lịch sử văn hoá là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước. Ở đó chứa đựng những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc mỗi đất nước.

Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại.

Phân loại di tích lịch sử văn hoá:

Di tích văn hoá khảo cổ: là những địa điểm ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hoá thuộc về lịch sử loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại. Đa số các di tích văn hoá khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ nó được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

Di tích lịch sử: mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm lịch sử riêng được ghi dấu lại ở những di tích lịch sử. Sự ghi dấu ấy có khác nhau về số lượng, sự phân bố và nội dung giá trị.

Loại hình di tích lịch sử thường bao gồm:

Di tích ghi dấu về dân tộc học, sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người.

Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương.

Di tích ghi dấu chiến công xâm lược.

Di tích ghi dấu những kỷ niệm.

Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động.

Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến

Loại hình di tích văn hoá nghệ thuật: là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Nhưng di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần.

Các danh lam thắng cảnh: là những giá trị văn hoá do thiên nhiên ban tặng. Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay khối óc con người tạo dựng nên. Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích văn hoá và vì vậy có giá trị quan trọng đối hoạt động du lịch.

Các lễ hội

Ở bất cứ thời đại nào, bất cứ dân tộc nào, vào bất cứ mùa nào cũng có những ngày lễ hội. Các lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu, giúp con người tham dự có điều kiện tiếp xúc với bí ẩn của nguồn khởi mọi sinh vật sống. Lễ hội dân tộc trở thành dịp cho con người hành hương về với cội rễ, bản thể của mình. Trong

kho báu các di sản của quá khứ để lại hôm nay các lễ hội dân tộc có lẽ là một trong những thứ quý giá nhất. Và vì thế các lễ hội dân tộc lành mạnh không bị mất đi, mà ngày càng được nhân rộng, phát triển cả về hình thức lẫn nội dung. Các lễ hội có sức hấp dẫn du khách không kém gì các di tích lịch sử văn hoá.

Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hoá tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc, hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, hoặc là để giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Khi đánh giá các lễ hội phục vụ mục đích du lịch cần lưu ý đến thời gian của lễ hội, quy mô, các lễ hội thường tổ chức tại các di tích lịch sử văn hoá. Điều đó cho phép khai thác tốt hơn các di tích lẫn lễ hội vào mục đích du lịch.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học

Mỗi dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang sắc thái riêng của mình và có địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng với khách du lịch.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa đối với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen sinh hoạt, về kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong quy hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc.

Các đối tượng văn hoá thể thao và hoạt động nhận thức khác

Các đối tượng văn hoá cũng thu hút khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu. Đó là các trung tâm của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên tổ chức liên hoan âm nhạc, điện ảnh, thi thể thao, hoa hậu.

Các đối tượng văn hoá thể thao thu hút không chỉ khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu mà còn thu hút đa số khách đi du lịch với các mục đích khác, ở các lĩnh vực khác và từ nhiều nơi khác đến. Do vậy tất cả các thành phố có các đối tượng văn hoá hoặc tổ chức các hoạt động văn hoá thể thao đều được nhiều khách tới thăm và đều trở thành những trung tâm du lịch văn hoá.

1.3.1.4 Vai trò của tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch được xem như là tiền đề phát triển du lịch. Thực tế cho thấy tài nguyên du lịch càng phong phú, càng đặc sắc bao nhiêu thì sức hấp dẫn và hiệu quả hoạt động càng cao bấy nhiêu. Có thể nói tài nguyên du lịch là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp tới tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hoá của vùng du lịch.

Trong phạm vi lãnh thổ, mọi hoạt động du lịch đều phản ánh một không gian du lịch nhất định. Tổ chức lãnh thổ du lịch là nhân tố hàng đầu trong việc nghiên cứu lãnh thổ du lịch vì khi nghiên cứu lãnh thổ du lịch phải nghiên cứu tới việc quan sát khía cạnh không gian cụ thể của nó. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tạo thành bởi nhiều yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau. Quy mô hoạt động du lịch của một vùng du lịch được xác định dựa trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên du lịch, quyết định

tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch được hình thành bởi nhiều yếu tố nhưng trước hết phải kể đến sự tham gia của nguồn tài nguyên du lịch. Để đáp ứng nhu cầu du lịch đa dạng của khách du lịch, những sản phẩm du lịch được tạo ra không thể đơn điệu, nghèo nàn, kém hấp dẫn mà cần phải phong phú, đa dạng, mới mẻ.

Chính sự phong phú, đa dạng của tài nguyên du lịch sẽ tạo ra sự phong phú của sản phẩm du lịch. Tài nguyên du lịch càng đặc sắc, độc đáo thì giá trị của sản phẩm du lịch và độ hấp dẫn khách du lịch càng tăng. Có thể nói chất lượng của tài nguyên du lịch sẽ là yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch. Trong quá trình phát triển du lịch, để không ngừng đáp ứng các yêu cầu và thoả mãn các mục đích của khách du lịch, các loại hình du lịch mới cũng không ngừng xuất hiện và phát triển. Các loại hình du lịch ra đời đều phải dựa trên tài nguyên du lịch. Chính sự xuất hiện của tài nguyên du lịch đã làm cho một số loại tài nguyên nhân văn và tự nhiên trở thành tài nguyên du lịch.

1.3.2 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

1.3.2.1 Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với việc đẩy mạnh du lịch. Về phương diện này, mạng lưới và phương tiện giao thông là những nhân tố quan trọng hàng đầu.

Du lịch gắn với sự di chuyển của con người trên một khoảng cách nhất định. Nó phụ thuộc vào giao thông, mạng lưới đường xá và phương tiện giao thông. Một đối tượng có thể có sức hấp dẫn đối với khách du lịch nhưng vẫn không thể khai thác được khi thiếu nhân tố giao thông. Chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, nhanh chóng thì du lịch mới trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội.

Giao thông là bộ phận của cơ sở hạ tầng kinh tế nhưng cũng có các phương tiện giao thông du lịch được sản xuất và sử dụng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu du lịch (ô tô, tàu thủy, máy bay đặc biệt, đường dây cáp...) chúng được tách ra như một bộ phận của cơ sở hạ tầng du lịch.

Thông tin liên lạc là một phần quan trọng trong cơ sở hạ tầng của hoạt động du lịch. Nó là điều kiện cần thiết để đảm bảo giao lưu cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Nhu cầu thông tin liên lạc là các nhu cầu trao đổi các dòng tin tức khác nhau của xã hội, được thoả mãn bằng nhiều loại hình thông tin khác nhau. Trong đời sống kinh tế xã hội hiện đại nói chung cũng như trong ngành du lịch không thể thiếu được các phương tiện thông tin liên lạc.

Trong cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn phải đề cập đến hệ thống các công trình cấp điện nước. Các sản phẩm của nó phục vụ trực tiếp cho việc nghỉ ngơi giải trí của khách. Như vậy cơ sở hạ tầng là tiền đề, là đòn bẩy của mọi hoạt động kinh tế trong đó có hoạt động du lịch.

1.3.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn các nhu cầu của khách du lịch. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân tham gia phục vụ du lịch như thương nghiệp, dịch vụ... Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần, chúng mang những chức năng khác nhau và có ý nghĩa nhất định đối với việc tạo ra, thực hiện sản phẩm du lịch. Việc đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được căn cứ vào ba loại tiêu chuẩn chủ yếu: 1) Đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho nghỉ ngơi du lịch, 2) Đạt hiệu quả kinh tế tối ưu trong quá trình xây dựng và khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật, 3) Thuận tiện cho việc đi lại của khách từ các nơi đến. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và tài nguyên du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng tới công suất, thể loại, thứ hạng của hầu hết các thành phần cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Khả năng tiếp nhận của tài nguyên du lịch là cơ sở xây dựng công suất các công trình phục vụ du lịch. Sức hấp dẫn của chúng có ảnh hưởng đến thứ hạng của các cơ sở này.

Sự kết hợp hài hoà giữa tài nguyên du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch giúp cho cơ sở phục vụ du lịch có hiệu quả, kéo dài thời gian sử dụng chúng trong năm. Vị trí của tài nguyên du lịch là căn cứ để bố trí hợp lý cơ sở vật chất kỹ thuật trên các vùng lãnh thổ của đất nước và là tiền đề cơ bản để hình thành các trung tâm du lịch.

Sự phụ thuộc của cơ sở vật chất kỹ thuật vào tài nguyên du lịch không chỉ diễn ra theo một chiều, mà về phía mình các công trình, cơ sở phục vụ du lịch cũng có tác động nhất định tới mức độ sử dụng tài nguyên du lịch và việc gìn giữ bảo vệ chúng.

1.3.3 Chính sách phát triển du lịch.

Chính sách phát triển du lịch là tập hợp các chủ trương và hành động của Nhà nước để đẩy mạnh phát triển du lịch bằng cách tác động vào việc cung cấp và giá cả của các yếu tố đầu vào (đất đai, lao động, vốn, cơ sở hạ tầng), tác động tới giá sản phẩm du lịch, tác động đến số lượng khách du lịch, tác động việc thay đổi tổ chức và năng lực của nguồn nhân lực du lịch, tác động vào việc chuyển giao công nghệ du lịch... Hai vế quan trọng của chính sách là chủ trương và hành động, chủ trương tốt và hành động quyết liệt sẽ đảm bảo chính sách thành công.

Các chính sách phát triển du lịch:

Chính sách tạo nguồn lực: Về chủ trương, cần huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng đầu tư phát triển để bảo đảm du lịch phát huy vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn. Về hành động, ưu tiên, hỗ trợ phát triển các loại hình du lịch biển đảo, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch MICE, ưu tiên các dự án phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Chính sách về đất đai và vốn: Chủ trương là khuyến khích, ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch và môi trường du lịch, tuyên truyền, quảng bá du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch, nghiên cứu, đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch mới, hiện đại hóa hoạt động du lịch, xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, nhập khẩu phương tiện cao cấp phục vụ cho việc vận chuyển khách du lịch, trang thiết bị chuyên dùng hiện đại cho cơ sở lưu trú du lịch cao cấp và khu du lịch quốc gia, phát triển du lịch tại nơi có tiềm năng du lịch nhưng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, ở vùng sâu, vùng xa, nhằm sử dụng lao động, hàng hóa và dịch vụ tại chỗ, góp phần nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo. Hành động là: giảm tiền thuê đất, ưu tiên cho cơ sở lưu trú và khu du lịch sử dụng nhiều diện tích đất cho tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường, được cấp và cho vay tín dụng với lãi suất ưu đãi, ân hạn dài, ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển các cơ sở đào tạo du lịch đạt chuẩn.

Chính sách bố trí ngân sách: Chủ trương là ưu tiên cho công tác quy hoạch, hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, hỗ trợ công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch, bảo vệ, tôn tạo tài nguyên và môi trường du lịch, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực du lịch. Về hành động, cần xem xét một cách minh bạch, đơn giản hóa thủ tục quyết định cấp ngân sách và cấp ngân sách đủ, đúng, nhanh theo lộ trình.

Chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận điểm đến: Chủ trương là tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch, công dân Việt Nam, người nước ngoài ở Việt Nam đi du lịch trong nước và nước ngoài, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách du lịch. Hành động là: tiếp tục xem xét mở rộng diện miễn visa nhập cảnh đơn phương cho công dân một số thị trường du lịch trọng điểm của Việt Nam, áp dụng cấp visa tại cửa khẩu, đơn giản hóa thủ tục cấp visa, thực hiện cấp visa trực tuyến, đẩy mạnh phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, ưu đãi đầu tư xây dựng các điểm dừng chân đạt chuẩn trên các tuyến du lịch quốc gia, xây dựng cảng biển du lịch tại các cảng biển trọng điểm của Việt Nam, tạo điều kiện cho khách quốc tế mang phương tiện giao thông riêng vào Việt Nam du lịch.

Chính sách xã hội hóa du lịch: Về chủ trương, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân mọi thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư tham gia hoạt động du lịch, mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế về du lịch. Hành động là: đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động du lịch, huy động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tham gia quảng bá cho du lịch Việt Nam, hỗ trợ thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện du lịch Việt Nam tại nước sở tại ngoài...

Chính sách về quỹ hỗ trợ phát triển du lịch: Chủ trương là khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành quỹ hỗ trợ phát triển du lịch từ các nguồn đóng góp của các chủ thể hưởng lợi từ hoạt động du lịch, nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Hành động là: Áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với doanh thu đón khách du lịch quốc tế vào Việt Nam, hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách du lịch quốc tế khi mua hàng của Việt Nam mang ra, giảm và cho

chậm nộp thuế trong các trường hợp cần thiết, sử dụng lãi suất từ tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lữ hành quốc tế gửi ngân hàng thương mại để thành lập quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, vận động, khai thác và tiếp nhận đóng góp cho quỹ hỗ trợ phát triển du lịch của mọi tổ chức và cá nhân tình nguyện.

Chính sách về sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch: Chủ trương là cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi hợp pháp từ hoạt động du lịch. Về hành động, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hoá địa phương của cộng đồng, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường để tạo sự hấp dẫn du lịch, tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư được đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghề thủ công truyền thống, sử dụng lao động và nguyên liệu địa phương để sản xuất hàng hóa phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương,

Chính sách về hiệp hội du lịch: Chủ trương là cho phép và tạo điều kiện cho hiệp hội du lịch được thành lập và hoạt động thuận lợi theo quy định của pháp luật. Về hành động, cần xem xét đơn giản hóa thủ tục thành lập hiệp hội, hội và câu lạc bộ nghề nghiệp du lịch, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và góp phần thúc đẩy sự phát triển của các thành viên, tạo điều kiện thuận lợi cho hiệp hội du lịch tham gia tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch, tham gia xây dựng, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về du lịch.

Chính sách quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về du lịch: Chủ trương là: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về du lịch, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về du lịch, chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quản lý nhà nước về du lịch. Hành động là: Các Bộ, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và theo sự phân công của Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và theo phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương, cụ thể hóa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển du lịch quốc gia phù hợp với thực tế tại địa phương và có biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.

Chính sách về bảo vệ môi trường du lịch: Về chủ trương, môi trường du lịch cần được bảo vệ, tôn tạo và phát triển nhằm bảo đảm du lịch xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, lành mạnh và văn minh. Theo đó, các b ộ, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ban hành các quy định nhằm bảo vệ, tôn tạo và phát triển môi trường du lịch, Ủy ban nhân dân các cấp có biện pháp để bảo vệ, tôn tạo và phát triển môi trường du lịch phù hợp với thực tế của địa phương, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch có trách nhiệm thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, khắc phục tác động tiêu cực do hoạt động của mình gây ra đối với môi trường, có biện pháp phòng, chống tệ nạn xã hội trong cơ sở kinh doanh của mình, khách du lịch, cộng đồng dân cư địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có

trách nhiệm bảo vệ và gìn giữ cảnh quan, môi trường, bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc, có thái độ ứng xử văn minh, lịch sự nhằm nâng cao hình ảnh đất nước, con người và Du lịch Việt Nam, ưu tiên các dự án du lịch gắn với sử dụng năng lực sạch, áp dụng mô hình 3R góp phần giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

Như vậy, chính sách phát triển du lịch phải là một hệ thống đồng bộ những chủ trương và hành động thúc đẩy du lịch phát triển nhanh và bền vững, phù hợp xu thế phát triển du lịch của thời đại, đáp ứng mong muốn của nhân dân và đúng định hướng phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước.

Tiểu kết chương 1

Ngày nay du lịch đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng, một đất nước. Thấy được ý nghĩa của sự phát triển hoạt động du lịch, chương 1 của khoá luận đã tổng hợp một số quan điểm về du lịch, phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển du lịch để từ đó định hướng cho việc phân tích tiềm năng và đề xuất các giải pháp phát triển du lịch Y Tý – Lào Cai ở chương 2 và chương 3.

CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở Y TÝ – LÀO CAI

2.1 Khái quát chung về tỉnh Lào Cai.

2.1.1 Vị trí địa lý

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới, nằm chính giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc của Việt Nam, cách Hà Nội 296 km theo đường sắt và 265 km theo đường bộ. Phía đông giáp tỉnh Hà Giang; phía tây giáp tỉnh Sơn La và Lai Châu; phía nam giáp tỉnh Yên Bái, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với 203 km đường biên giới. Cách ngày nay hơn vạn năm, con người đã có mặt tại địa bàn Lào Cai.

Diện tích tự nhiên: 6.383,88 km² (chiếm 2,44% diện tích cả nước, là tỉnh có diện tích lớn thứ 19/64 tỉnh, thành phố cả nước).

2.1.2 Điều kiện tự nhiên

Địa hình: Địa hình Lào Cai rất phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt mạnh. Hai dãy núi chính là dãy Hoàng Liên Sơn và dãy Con Voi cùng có hướng Tây Bắc - Đông Nam nằm về phía đông và phía tây tạo ra các vùng đất thấp, trung bình giữa hai dãy núi này và một vùng về phía tây dãy Hoàng Liên Sơn. Ngoài ra còn rất nhiều núi nhỏ hơn phân bố đa dạng, chia cắt tạo ra những tiểu vùng khí hậu khác nhau.

Do địa hình chia cắt nên phân đai cao thấp khá rõ ràng, trong đó độ cao từ 300m - 1.000m chiếm phần lớn diện tích toàn tỉnh. Điểm cao nhất là đỉnh núi Phan Xi Păng trên dãy Hoàng Liên Sơn có độ cao 3.143m so với mặt nước biển, Tả Giàng Phình: 3.090m.

Dải đất dọc theo sông Hồng và sông Chảy gồm thành phố Lào Cai - Cam Đường - Bảo Thắng - Bảo Yên và phần phía đông huyện Văn Bàn thuộc các đai độ cao thấp hơn (điểm thấp nhất là 80 m thuộc địa phận huyện Bảo Thắng), địa hình ít hiểm trở hơn, có nhiều vùng đất đồi thoải, thung lũng, là địa bàn thuận lợi cho sản xuất nông lâm nghiệp hoặc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng.

Khí hậu: Lào Cai có khí hậu nhiệt đới gió mùa, song do nằm sâu trong lục địa bị chia phối bởi yếu tố địa hình phức tạp nên diễn biến thời tiết có phần thay đổi, khác biệt theo thời gian và không gian. Đột biến về nhiệt độ thường xuất hiện ở dạng nhiệt độ chênh lệch trong ngày lên cao hoặc xuống thấp quá (vùng Sa Pa có nhiều ngày nhiệt độ xuống dưới 00C và có băng hoặc tuyết rơi).

Khí hậu Lào Cai chia làm hai mùa: mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm ở vùng cao từ 15 độ C – 20 độ C (riêng Sa Pa từ 14 độ C – 16 độ C và không có tháng nào lên quá 200C), lượng mưa trung bình từ 1.800mm - >2.000mm. Nhiệt độ trung bình năm ở vùng thấp từ 23 độ C – 29 độ C, lượng mưa trung bình từ 1.400mm - 1.700mm.

Sương mù thường xuất hiện phổ biến trên toàn tỉnh, có nơi ở mức độ rất dày. Trong các đợt rét đậm, ở những vùng núi cao và các thung lũng kín gió còn xuất hiện sương muối, mỗi đợt kéo dài 2 - 3 ngày.

Khí hậu Lào Cai rất thích hợp với các loại cây ôn đới, vì vậy Lào Cai có lợi thế phát triển các đặc sản xứ lạnh mà các vùng khác không có được như: hoa, quả, thảo dược và cá nước lạnh.

Thổ nhưỡng: Đất có độ phì cao, màu mỡ, đa dạng bao gồm 10 nhóm, 30 loại đất, phù hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau.

2.1.3 Dân cư

Dân số toàn tỉnh: 674.530 người (số liệu năm 2016). Mật độ dân số bình quân: 106 người/km², trong đó:

- Thành phố Lào Cai : 110.2018 người, mật độ 484 người/km². Các huyện: Bát Xát: 75.757 người, mật độ 72 người/km²; Mường Khương: 58.593 người, mật độ 106 người/km²; Si Ma Cai: 35.766 người, mật độ 153 người/km²; Bắc Hà: 60.529 người, mật độ 89 người/km²; Bảo Thắng: 106.989 người, mật độ 156 người/km²; Bảo Yên: 82.817 người, mật độ 101 người/km²; Sa Pa: 59.172 người, mật độ 87 người/km²; Văn Bàn: 84.709 người, mật độ 60 người/km².
- Dân tộc: Có 25 nhóm ngành dân tộc cùng chung sống hoà thuận, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 64,09% dân số toàn tỉnh. Dân tộc Kinh chiếm 35,9%, dân tộc Mông chiếm 22,21%, Tày 15,84%, Dao 14,05%, Giáy 4,7%, Nùng 4,4%, còn lại là các dân tộc đặc biệt ít người Phù Lá, Sán Chay, Hà Nhì, La Chí,... Các dân tộc thiểu số phân bố, cư trú trên địa bàn 9/9 huyện, thành phố của tỉnh.

Tỉnh Lào Cai được chia làm 3 khu vực:

- Khu vực I: Là các xã có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thuận lợi. Chủ yếu là các xã ở vùng thấp, gần trung tâm các huyện, thành phố, giao thông và các dịch vụ xã hội thuận lợi.
- Khu vực II: Là các xã có điều kiện phát triển kinh tế- xã hội khó khăn, phần lớn các xã này nằm ở vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại còn tương đối khó khăn; các dịch vụ xã hội cơ bản đã được đáp ứng tương đối tốt.
- Khu vực III: Là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã ở vùng sâu vùng biên giới, xa các trung tâm huyện, thành phố; địa hình bị chia cắt mạnh, giao thông đi lại còn rất nhiều khó khăn; các dịch vụ xã hội còn hạn chế.

2.1.4 Lịch sử phát triển

Thời Hùng Vương dựng nước, vùng đất Lào Cai thuộc bộ Tân Hưng, là một trong 15 bộ của Nhà nước Văn Lang - là một trung tâm kinh tế chính trị lớn ở thượng nguồn sông Hồng. Đến đời Đinh, Lý, Trần, Lê có biết bao biến động về địa danh... Đến đời nhà Nguyễn, vùng đất Lào Cai chủ yếu thuộc đất của châu Thủy Vỹ, châu Văn Bàn, một phần thuộc châu Chiêu Tấn và một phần nhỏ thuộc châu Lục Yên thuộc phủ Quy Hóa. Đến thời điểm này địa danh Lào Cai chưa được hình thành.

Vùng đất thị xã Lào Cai ngày nay xưa kia có một khu chợ, dần dần người ta mở mang thêm một phố chợ. Vì thế phố chợ đầu tiên này theo tiếng địa phương được gọi là Lão Nhai (tức Phố Cũ). Sau này người ta mở thêm một phố chợ khác gọi là Tân Nhai (Phố Mới ngày nay). Theo cô giáo sư Đào Duy Anh, từ Lão Nhai được biến âm thành Lao Cai và được gọi một thời gian khá dài. Khi làm bản đồ, người Pháp viết Lao Cai thành Lào Kay. Danh từ Lào Kay đã được người Pháp sử dụng trong các văn bản và con dấu. Nhưng trong giao tiếp và dân gian người ta vẫn gọi là Lao Cai. Sau ngày tỉnh Lao Cai được giải phóng (11-1950), đã thống nhất gọi là Lào Cai cho đến ngày nay. Sau khi đánh chiếm Lào Cai (3 -1886) và khi hoàn thành công cuộc bình định quân sự, thực dân Pháp cai quản địa hạt Lào Cai theo chế độ quân sự. Ngày 7/01/1899, đạo quan binh IV được thành lập bao gồm Tiểu quân khu Yên Bái và Tiểu quân khu Lào Cai. Lào Cai là đạo lý, thủ phủ của đạo quan binh IV. Để dễ bề kiểm soát và tiến hành khai thác bóc lột, thực dân Pháp đã chia lại khu vực hành chính và thay đổi chế độ cai trị. Ngày 12/7/1907, toàn quyền Đông Dương ra nghị định bãi bỏ đạo quan binh IV Lào Cai, chuyển từ chế độ quân quản sang chế độ cai trị dân sự, thành lập tỉnh Lào Cai. Từ đây địa danh tỉnh Lào Cai được xác định trên bản đồ Việt Nam.

Trải qua những biến động thăng trầm của lịch sử, địa lý Lào Cai cũng có nhiều thay đổi. Về địa danh hành chính, qua nhiều lần tách nhập:

- Thành lập tỉnh dân sự Lào Cai (12/7/1907), phần đất của châu Thủy Vỹ bên hữu ngạn sông Hồng sáp nhập vào Chiêu Tấn, vẫn lấy tên là châu Thủy Vỹ. Từ đó địa danh Chiêu Tấn không còn. Phần đất của châu Thủy Vỹ bên tả ngạn sông Hồng được tách ra lập thành châu Bảo Thắng. Tỉnh Lào Cai gồm hai châu Thủy Vỹ, Bảo Thắng và các đại lý Mường Khương, Phong Thổ, Bát Xát, Bắc Hà (Pa Kha) và thị xã Lào Cai, trong đó có 855 làng bản, 6.812 hộ, 39.099 nhân khẩu, với 11 dân tộc chủ yếu: Hmông, Dao, Tày, Giáy... trong đó người H'mông chiếm 26,56%, Dao 22,41%, Tày, Giáy 20,77%, Kinh 4,52%, Nùng 7,33%, Thái 9,25%, U Ní 2,48%, Hoa Kiều 4,44%, còn lại là các dân tộc khác.
- Sau khi tỉnh Lào Cai được giải phóng lần thứ nhất, Lào Cai được chia thành 8 huyện: Bắc Hà, Mường Khương, Bản Lầu, Bảo Thắng, Sa Pa, Bát Xát, Phong Thổ và thị xã Lào Cai.
- Ngày 7/5/1955, khu tự trị Thái Mèo được thành lập, huyện Phong Thổ của tỉnh Lào Cai chuyển sang khu tự trị Thái Mèo, sau này thuộc tỉnh Lai Châu.
- Ngày 27/3/1975, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa V đã nghị quyết hợp nhất ba tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ thành tỉnh mới lấy tên là Hoàng Liên Sơn.
- Ngày 17/4/1979, Hội đồng Chính phủ ra quyết định hợp nhất thị xã Lào Cai và Cam Đường thành thị xã Lào Cai trực thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn.
- Ngày 12/8/1991 kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII ra Nghị quyết chia tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai.

- Ngày 01/10/1991 tỉnh Lào Cai được tái lập, trên cơ sở vùng đất Lào Cai (cũ) và bổ sung thêm ba huyện: Bảo Yên, Văn Bàn (thuộc Yên Bái cũ), Than Uyên (thuộc Nghĩa Lộ cũ) bao gồm 8 huyện, hai thị xã.
- Ngày 9/6/1992, Hội đồng Bộ trưởng quyết định tách thị xã Lào Cai thành hai thị xã Lào Cai và Cam Đường.
- Ngày 30/12/2000, huyện Bắc Hà được tách thành hai huyện Si Ma Cai và Bắc Hà.
- Ngày 31/01/2002, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định sáp nhập thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường thành thị xã tỉnh lỵ Lào Cai.
- Ngày 1/01/2004, huyện Than Uyên được tách ra thuộc tỉnh Lai Châu (mới).
- Ngày 30/11/2004, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 195/2004/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai.

2.1.5 Văn hóa

Một trong những yếu tố giúp du khách đam mê đi du lịch Lào Cai là do tỉnh có 25 dân tộc anh em sinh sống tạo cho Lào Cai nét đẹp văn hoá đa dân tộc, giàu bản sắc. Tính đa dạng, phong phú của văn hoá thể hiện cả ở văn hoá vật thể và phi vật thể.

Về trang phục có 34 kiểu loại với sắc màu, chất liệu khác nhau, khảo sát sơ bộ Lào Cai có gần 100 điệu múa, có đủ 10 họ với 11 chi khác nhau của các nhạc khí.

Lào Cai có các loại hình lễ hội phong phú. Có hội cầu mùa, hội gắn với tín ngưỡng thờ thần mặt trời, thần nước, phồn thực, bảo vệ rừng. Có hội có ý nghĩa giáo dục truyền thống lịch sử chống ngoại xâm, đề cao bản sắc văn hoá người Việt cổ. Quy mô các lễ hội cũng đa dạng, có hội có quy mô của cộng đồng làng, bản; có hội có quy mô vùng (hội Gầu Tào ở Pha Long Mường Khương, hội Roóng Poọc người Giáy ở Tả Van, Sa Pa...) nhưng có hội có quy mô toàn tỉnh như hội xuân Đền thờ ông Hoàng Bảy ở Bảo Hà... thời gian lễ hội cũng trải dài cả 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đặc biệt, khác với các tỉnh đồng bằng, mùa hè ở các làng bản vùng cao của Lào Cai cũng là mùa của lễ hội.

2.1.6 Các điểm du lịch nổi bật

Cổng trời Sapa: Ra khỏi thị trấn Sapa, đi theo hướng Bắc khoảng 18 km, đường lên cổng trời ngoằn ngoèo uốn lượn giữa lưng chừng núi trùng trùng điệp điệp. Con đường có tên là Trạm Tôn, len lỏi giữa dãy Hoàng Liên Sơn hùng vĩ. Cổng trời chính là đỉnh của con đèo này. Cổng trời trở nên hấp dẫn du khách mỗi dịp đi du lịch Lào Cai Sapa, vì nhiều người tham quan Thác Bạc bao giờ cũng cố ngược lên cổng trời để ngắm cảnh sắc kỳ vĩ của núi rừng Hoàng Liên đã được vinh danh là "Vườn di sản Asian Sa Pa".

Núi Hàm Rồng: Núi Hàm Rồng nằm ngay trên thị trấn Sapa, từ đây du khách có thể ngắm toàn cảnh thị trấn, thung lũng Mường Hoa, Tả Phìn ẩn hiện trong sương khói.

Cáp treo Fansipan: Nằm cách thị trấn Sa Pa khoảng 1,9 km về phía Tây Nam, Fansipan Legend là quần thể công trình du lịch văn hóa, dịch vụ cáp treo, vui chơi

giải trí và khách sạn nghỉ dưỡng đẳng cấp. Điểm nhấn của quần thể công trình du lịch này là hệ thống cáp treo ba dây dài 6292,5m, có độ chênh ga đi và ga đến lớn nhất thế giới lên tới 1410m.

Làng thổ cẩm Tả Phìn: Làng thổ cẩm Tả Phìn thuộc huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, cách trung tâm thị trấn Sa Pa khoảng 17km về hướng đông. Sản phẩm của làng dệt thổ cẩm Tả Phìn đủ kiểu dáng và sắc màu trông thật bắt mắt. Một vài sản phẩm chính có thể kể đến là: những chiếc ba lô, túi khoác du lịch, những chiếc khăn, túi xách tay, ví đựng tiền, các tấm áo choàng thổ cẩm... với đủ sắc màu rực rỡ.

Y Tý: Từ lâu Y Tý, Lào Cai đã nổi tiếng là điểm “săn mây” ấn tượng trong giới phượt. Y Tý nằm ở độ cao trên 2.000m, lưng tựa vào dãy núi Nhieu Cồ San mà đỉnh của nó cao tới 2.660m, gần như quanh năm mây phủ. Đường lên Y Tý là những con đường mòn vạch ngoằn ngoèo rồi chìm ngấm trong đám lá rừng, những ngôi nhà thấp thoáng trong mây. Trong cung đường này tham quan một số điểm đặc biệt sau:

+ Mốc 92 – ngã 3 Lũng Pô

Đây là ngã 3 nơi sông Nguyên Giang (Trung Quốc) gặp dòng Lũng Pô trên đất Việt Nam, hòa mình vào nhau và chảy vào đất Việt với tên gọi Sông Hồng. Đây cũng là nơi có mốc 92 (gồm 3 mốc là 92(1), 92(2) và 92(3) biên giới Việt Nam Trung Quốc. Mốc đặt phía Việt Nam là mốc 92(1), 2 mốc còn lại đặt trên bờ sông phía Trung Quốc.

+ Cầu Thiên Sinh

Cầu Thiên Sinh nằm ở cuối thôn Lao Chải, cách trung tâm xã Ý Tý gần chục km. Theo tiếng dân tộc Hà Nhì, cầu có tên là Thiên Sinh Shù, dịch nghĩa là “trời sinh”. Cầu chỉ ngắn chừng 1m, trước đây là một tảng đá tự nhiên bắc qua khe sâu hun hút dưới là dòng suối Lũng Pô gầm gào tung bọt trắng xóa. Từ hàng trăm, hàng ngàn năm trước, qua sự vận động kiến tạo địa chất, khối đá khổng lồ đã bị nứt ra tạo thành khe đá này. Đây cũng là biên giới giữa hai nước Việt Nam – Trung Quốc. Theo thời gian, hòn đá bắc qua khe sâu cứ mòn lõm dần đi, người dân qua đây phải bắc những thanh gỗ làm cầu rồi xây cầu bê tông như bây giờ.

+ Cung đường A Lù – Ngải Thầu và Y Tý – Mường Hum: Trên cung đường sẽ qua các thôn biên giới Việt Trung gồm: Thôn Phan Cán Sứ; Thôn Hồng Ngải; Thôn Lao Chải, Sim San. Nơi đây vào mùa lúa chín, hay mùa nước đổ sẽ được thấy những thửa ruộng bậc thang uốn lượn theo triền núi, nối tiếp nhau như những bậc thang lên trời. Ngoài ra cảnh đẹp du khách sẽ được chiêm ngưỡng những ngôi nhà trình tường của người Hà Nhì và khám phá những nét văn hóa đặc sắc của bà con dân tộc thiểu số nơi đây.

Động Cốc San: Tọa lạc tại xã Cốc San, huyện Bát Xát, cách thành phố Lào Cai khoảng 7km, Cốc San là một hệ thống các thác nước và các hang động to nhỏ khác nhau. Từ quốc lộ 4D, có một con đường đất nhỏ dài khoảng hơn 1km dẫn vào Cốc San. Điểm đặc biệt là hầu như ở mỗi gầm một con thác, sau làn nước đổ từ trên cao xuống lại có một hang động. Phong cảnh Cốc San mang vẻ đẹp huyền bí diệu kỳ toát lên từ những ngọn thác, những mô đá và những hang động.

Núi Cô Tiên: Nằm trong vùng cao nguyên đá vôi của vòm sông Chảy. Gần thị trấn Bắc Hà, ở độ cao trên 1000m, núi Cô Tiên đứng sừng sững. Trên vách đá phẳng

rộng như được bàn tay nghệ nhân đẽo gọt tạo am nhỏ, đặt tượng bà Quan Âm mặt quay về phương Nam, đến đây sẽ được thưởng thức những nét đẹp văn hoá truyền thống độc đáo của người vùng cao và còn được ngắm nhìn cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, và núi Cô Tiên sừng sững.

Hang Tiên: Thắng cảnh Hang Tiên nằm tại xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Ngược dòng sông Chảy khoảng 6 km, từ trung tâm xã Bảo Nhai (huyện Bắc Hà) di chuyển bằng thuyền sẽ qua thành cổ Trung Đô, nơi gắn liền với nhiều huyền thoại. Thắng cảnh Hang Tiên là một Hạ Long thu nhỏ, gắn liền với sự tích về miếu thờ Bà Cô xã Bảo Nhai.

Chợ phiên Bắc Hà: được họp vào chủ nhật hàng tuần tại trung tâm thị trấn Bắc Hà, cách thành phố Lào Cai khoảng 76 km. Đây là phiên chợ được coi là lớn nhất và nổi tiếng nhất của đồng bào các dân tộc vùng cao biên giới. Chợ được họp để người dân bày bán những sản vật của địa phương. Chợ được phân khu gồm khu bán hàng tiêu dùng, khu bán chim, bán chó, bán trâu... tạo nên nét rất riêng của chợ vùng cao Tây Bắc.

Dinh Hoàng A Tưởng (lâu đài Hoàng Yến Chao): Nằm ở trung tâm huyện lỵ Bắc Hà. Dinh Hoàng A Tưởng được xây dựng từ năm 1914 và hoàn thành năm 1921, chủ nhân là Hoàng Yến Chao dân tộc Tày, bố đẻ của Hoàng A Tưởng. Kiến trúc Dinh Hoàng A Tưởng theo phong cách Á - Âu kết hợp, tạo sự hài hoà, bố cục hình chữ nhật liên hoàn khép kín. Trải qua hơn 100 năm tồn tại, Dinh phủ bao lớp rêu phong cổ kính vẫn đứng uy nghi nổi trội giữa một nơi dân cư đông đúc, phố xá tấp nập.

Thung lũng hoa ở Bắc Hà: Đây là địa danh do tư nhân đầu tư, nằm ở thôn Sân Bay, xã Thái Giàng Phố, cách thị trấn khoảng 1,5 cây số. Du khách có thể ghé thăm thung lũng hoa bất kỳ thời điểm nào bởi nơi đây trồng hàng nghìn loài hoa rực rỡ lung linh với đủ màu sắc, mỗi loài hoa nở vào một mùa nhất định.

Các dân tộc Lào Cai đã sáng tạo, lưu giữ hàng trăm di tích lịch sử văn hoá. Nổi bật là các di tích về khu trạm khắc đá cổ, với các hình khắc về bản đồ, chữ viết, hình người có niên đại cách ngày nay hàng nghìn năm ở thung lũng Mường Hoa (Sa Pa).

Di tích Đền Bảo Hà thờ ông Hoàng Bảy một vị tướng có công bảo vệ biên giới thời Hậu Lê được tôn thờ là “Thần vệ Quốc”.

Di tích Đền Thượng - thờ Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo được xây dựng từ thời Lê Trung Hưng với niên hiệu Chính Hoà (1680-1705).

Di tích Đền Mẫu thờ đức Thánh mẫu Liễu Hạnh công chúa (theo tín ngưỡng gọi Thánh Mẫu Liễu Hạnh), người dân nước Việt đã phong bà là Mẫu Nghi Thiên hạ, với ước nguyện Thánh mẫu giúp cho “Thiên hạ Thái Bình- Quốc thái dân an- Phong đăng hoà cốc”.

Di tích chiến thắng Phố Ràng

2.1.7 Đặc sản

Cá hồi, cá tầm: Trại nuôi cá hồi Sapa cách trung tâm thị trấn Sapa 10 km. Kể từ năm 2006, khi lúa cá hồi đầu tiên ở khu nuôi cá hồi Sapa được nuôi thành công, du khách đến Sapa không chỉ để tham quan nhà thờ đá sapa, núi Hàm Rồng, bản Cát Cát, hay để ăn rau rừng, uống rượu cần,... và còn để khám phá đồng thời tìm hiểu thêm về

loài cá quý hiếm này cũng như thưởng thức hương vị thơm ngon của món ăn chế biến từ cá hồi, cá tầm.

Cuốn sủi: Cuốn sủi còn được gọi là phở khan. Dưới cùng của bán là bánh phở trắng, phía trên lớp phở được rắc chút mỳ bằng củ dong rang ròn cùng thịt bò, gia vị được nấu sền sệt thành một thứ nước sốt có hương vị riêng, Trên cùng của bát cuốn sủi là hạt tiêu, lạc, rau thơm.

Ở Lào Cai có nhiều quán bán cuốn sủi. Nhưng dường như ngon nhất là ở nhà hàng Việt Hoa gần ga tàu Lào Cai.

Lợn cắp nách: Đây là món ăn được chế biến từ loại lợn địa phương được bà con nuôi bằng hình thức thả rông (chủ yếu tự kiếm cái ăn) nên dù có nuôi lâu thì con lợn cũng chỉ nặng 3-40kg. Thịt ăn thơm, ngọt. Đây không chỉ món ăn du khách yêu thích mà còn hấp dẫn cả người dân bản địa.

Phở chua Bắc Hà: Bát phở chua gồm có bánh phở mới trắn, thịt lợn xá xiu, rau sống thái nhỏ, lạc và chan với một ít nước chua. Nước chua được làm từ việc ngâm, trộn rau cải với nước đường và chất lọc được nước chua, nước chua ngon hay không phụ thuộc vào tay nghề người làm. Ở Lào Cai có nhiều quán hàng bán phở chua nhưng ngon nhất vẫn là phở chua được bán ở Bắc Hà.

Thắng cố ngựa: Thắng cố ngựa ở vùng núi Tây Bắc nào cũng có, nhưng ở Lào Cai lại mang một vị riêng biệt đặc sắc không thể lẫn vào đâu được vì được chế biến từ “lục phủ ngũ tạng” của con ngựa. Gia vị kèm theo không thể thiếu gồm thảo quả, địa liền cùng với hạt dổi, củ sả, quế chi... được ướp với thịt trước lúc đem xào rồi chế nước hầm nhừ trong chảo lớn.

Thịt lợn muối là một trong những món ngon trong danh mục ẩm thực của đồng bào vùng cao Lào Cai. Thịt lợn muối được làm từ những miếng thịt còn nóng của con lợn mới được mổ, sau đó đem ướp với muối và xếp vào chum để chùng một tuần, sau đó đem ra treo dưới bếp lửa. Thịt lợn muối ngon là loại thịt miếng mỡ chuyển màu trong, thịt lạc thì màu đỏ.

Ở Lào Cai có rất nhiều nhà hàng bán món thịt lợn muối được chế biến thành món thịt lợn muối xào rau cải mè, thịt lợn muối nướng...

Rượu San Lùng: Rượu San Lùng được chế biến rất công phu. Nguyên liệu tuyển chọn kỹ từ thóc nương vào sữa ở độ dẻo. Trước khi nấu, người ta ngâm thóc thành mộng và chùng ủ cùng cao lương thảo dược. Men đủ vị thảo dược của núi rừng, có vị phòng chống lạnh, trừ cảm, có vị làm cho lưu thông khí huyết, giảm đau nhức khớp, có vị làm cho không đau đầu.

Rượu ngô Bắc Hà: làm ngô nếp, hạt màu vàng óng. Ngô được thu hoạch khi đã chín già trên cây, đem phơi nguyên bắp qua 1, 2 nắng rồi chát lên gác bếp để bảo quản và nấu rượu dần.

Men để nấu rượu ngô Bắc Hà là men làm từ hạt hồng mi, một loại cây họ cỏ, cùng loại với kê, quả như bông lau, có hạt màu đen nhỏ li ti, được trồng xen lẫn trên nương ngô, nương lúa. Hồng mi sau khi trồng 3 tháng được thu hoạch và đem phơi khô. Người H'Mông lấy hạt hồng mi cho vào cối đá nghiền nát, lọc lấy bột rồi đem nhào với nước, nặn thành bánh nhỏ. Sau đó đặt trên rơm và phơi ở chỗ ít nắng, thoáng gió đến khi những bánh men khô lại, chuyển qua màu trắng thì cất lên gác bếp.

2.2 Tiềm năng phát triển du lịch ở Y Tý – Lào Cai.

2.2.1 Khái quát về xã Y Tý

Y Tý cách huyện Bát Xát 68 km về phía Tây Bắc, ở đây gần như quanh năm mây mù bao phủ, rất hiếm khi thấy được ánh nắng mặt trời soi đủ cả ngày. Bởi thế nhiều người gọi Y Tý bằng cái tên gợi nhiều cảm xúc “vùng đất mù sương”.

Người ta vẫn truyền tai nhau câu:

“Khi nào có gió mùa về,
Thì lên Y Tý, Tà Xùa săn mây.”

Y Tý như một viên ngọc thô ráp còn ẩn giấu giữa đại ngàn, Y Tý đẹp bốn mùa, xuân đầy sắc hoa đào mận, hạ xanh như tấm thổ cẩm của những thửa ruộng mùa đổ nước, thu lại vàng ruộm đầy ấm no của mùa gặt, đông lại là mùa của những biển mây bông bồng như tiên cảnh.

2.2.2 Tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.2.1 Vị trí địa lý

Xã Y Tý là một xã thuộc huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, cách huyện lỵ khoảng 68 km về phía tây bắc. trên vùng núi đá có độ cao hơn 2.000 m.

Phía đông giáp xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát.

Phía nam giáp các xã Dền Sáng, Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Phía tây giáp Trung Quốc (suối Lũng Pô là ranh giới tự nhiên với chiều dài đường biên khoảng 17 km)

Phía bắc giáp Ngải Thầu, huyện Bát Xát.

Y Tý có tổng diện tích đất tự nhiên là 86,54 km² , chiếm 13,3% diện tích tự nhiên của huyện Bát Xát. Y Tý có 15 đơn vị hành chính thôn bản: thôn Choản Thèn, Hồng Ngải, Lao Chải 1, Lao Chải 2, Mò Phú Trãi, Ngải Chồ, Nhìu Cù San, Phan Cán Sủ, Phìn Hồ, Sín Chải 1, Sín Chải 2, Sin San, Sin San, Tả Giè Thàng, Trung Trãi. Có đường biên giới dài 17km tiếp giáp với nước bạn Trung Quốc là điều kiện thuận lợi để giao lưu văn hóa và phát triển kinh tế đường bộ.

Y Tý cách trung tâm tỉnh Lào Cai (thành phố Lào Cai) và cửa khẩu Hà Khẩu 70km về phía tây bắc qua 2 tỉnh lộ ĐT 156 và 158, cách thị trấn SaPa 70km về phía bắc. Cách cầu Thiên Sinh (cửa khẩu phụ, cột mốc biên giới 87 với Trung Quốc) 6km

Vị trí địa lý xã Y Tý khá thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và du lịch. Giáp trung tâm du lịch lớn của tỉnh Lào Cai là thị trấn Sapa và vùng kinh tế duyên hải của miền Nam nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa qua cửa khẩu quốc tế Hà Khẩu và điểm giao lưu cửa khẩu phụ cầu Thiên Sinh (cột mốc biên giới 87).

2.2.2.2 Địa hình

Y Tý là một xã có địa hình núi cao phức tạp và bị chia cắt bởi các dãy núi cao, toàn bộ nền địa hình Y Tý được kiến tạo bởi nhiều dải núi cao, nổi bật là hai dải núi chính tạo nên: Ngòi Phát - suối Lũng Pô, Quang Kim. Địa hình cao dần, điểm cao nhất có độ cao 2945m (cao nguyên Y Tý). Kiến tạo địa hình Y Tý hình thành hai

khu vực. Vùng núi cao hiểm trở phía Bắc và Tây Bắc, vùng núi thấp, dải đồi thấp ở phía Nam.

Nhìn chung địa hình của Y Tý đã tạo nên những không gian thoáng đãng trong lành của cảnh quan núi rừng, đặc biệt là cảnh quan núi cao và phong cảnh độc đáo ruộng bậc thang. Qua đó có thể diễn ra cách hoạt động tham quan du lịch, nghỉ dưỡng và thể thao mạo hiểm.

2.2.2.3 Khí hậu

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra môi trường du lịch, các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm có ảnh hưởng đến sức khỏe du khách, ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch, tạo yếu tố mùa trong hoạt động du lịch.

Y Tý nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm mưa nhiều. Do ảnh hưởng của địa hình nên được chia thành hai khu vực khí hậu khác nhau:

* Vùng cao: Do ảnh hưởng của địa hình núi cao, độ chia cắt lớn nên khí hậu vùng núi cao mang tính chất của khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới ẩm. Mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, nhiệt độ trung bình cả năm cao nhất 24°C, thấp nhất 17,3°C.

* Vùng thấp: Mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Khí hậu của Y Tý so với đặc điểm của nhiều vùng trong cả nước, khí hậu tương đối thuận lợi cho hoạt động sản xuất cũng như hoạt động du lịch, tham quan nghỉ dưỡng.

2.2.2.4 Lượng mưa

Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1950mm, năm cao nhất lên đến 2360,5 mm, năm thấp nhất là 1103,8mm. Số ngày mưa trong năm trung bình là 126 ngày, mùa mưa nhiều nhất từ tháng 5 đến tháng 10, mùa mưa ít từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa phân bố không đều trong năm, mưa thường tập trung từ tháng 3 đến tháng 9 chiếm 80-85% tổng lượng mưa cả tháng 12 và tháng 1 khoảng 30mm.

2.2.2.5 Tài nguyên nước

Nước mặt : Hệ thống sông, suối trên địa bàn xã Y Tý khá dày và phân bố tương đối đều. Có nhiều suối nhỏ bắt nguồn từ vùng đồi núi cao và đặc biệt là một phần sông Hồng chảy qua Lũng Pô và Y Tý. Hệ thống suối, khe khá dày mật độ trung bình từ 1-1,5km suối/km². Các suối lớn bao gồm: Ngòi Phát, suối Lũng Pô, Suối Quang Kim, ngòi Đum. Các suối này đều có lưu lượng lớn, dòng chảy xiết thuận lợi cho việc xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

Nước ngầm: có trữ lượng lớn đảm bảo được nhu cầu nước cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân bản địa. Chất lượng môi trường nước mặt và nước ngầm tương đối tốt, ít bị ảnh hưởng tác động từ môi trường bên ngoài.

2.2.2.6 Tài nguyên đất

Đất đai ở Y Tý có 5 nhóm đất chính:

- Nhóm đất mùn Alit trên núi cao (HA): Có diện tích 12,60 km², chiếm 14,55% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành trên độ cao 1700 m - 2800m, phân bố hầu hết ở các đỉnh núi cao, có nguồn gốc phát sinh từ nhiều loại đá mẹ khác nhau. Thích nghi

với các loại cây lâm nghiệp, cây đặc sản, cây dược liệu và cây lương thực, thực phẩm có giá trị.

- Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi cao từ 700 - 1.700 m (HF): Diện tích 26,35 km² chiếm 30,04% diện tích tự nhiên, đá mẹ chủ yếu là đá Granit thuộc nhóm đá, tầng đất trung bình 70 - 100 cm, thích hợp với nhiều loại cây trồng lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, cây lương thực, rau màu.

- Nhóm đất Feralit đỏ vàng trên núi thấp và trung bình (F): Phân bố ở độ cao 400 - 700 m, diện tích 10.53 km², chiếm 12 % diện tích tự nhiên.

- Nhóm đất Feralit đỏ vàng bị biến đổi do trồng lúa nước (FL): Diện tích 16,80km² chiếm 19 % diện tích tự nhiên, đất được hình thành trong quá trình canh tác lúa nước lâu đời, phân phổ giải rác khắp nơi trong xã

- Nhóm đất thung lũng, đất dốc tụ (D): Diện tích 20,26 km², chiếm 23 % diện tích tự nhiên.

2.2.2.7 Tài nguyên rừng

Động thực vật rất phong phú về chủng loại. Rừng nguyên sinh Ý Tý có rất nhiều loài thực vật và động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam, đang được người Hà Nhì bảo vệ nghiêm ngặt. Khu rừng nguyên sinh được mệnh danh là “ vườn treo Y Tý “ rộng 26 km², trải dài trên ba xã Ý Tý, Dền Sáng, Sảng Ma Sáo, xen lẫn rừng nhiệt đới và á nhiệt đới, nhiều tầng tán. Thống kê được Y Tý có nhiều sinh vật cảnh đặc hữu, với hệ thực vật có 452 loài thuộc các nhóm như lấy gỗ, làm thuốc, làm cảnh, cho dầu, cho sợi và 157 loài động vật hoang dã, trong đó có nhiều loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam, như gấu ngựa, sơn dương, mèo rừng mà nơi khác không có được.

Ở đây, riêng cây thảo quả có hơn 1.000 ha trồng dưới tán rừng tự nhiên mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân vùng cao Y Tý. Do vậy, người dân các xã Y Tý luôn nâng cao ý thức chăm sóc thảo quả gắn với bảo vệ rừng.

2.2.3 Tài nguyên du lịch nhân văn – văn hóa

2.2.3.1 Các điểm tham quan văn hóa

Cầu Thiên Sinh

Cầu Thiên Sinh nằm ở cuối thôn Lao Chải, cách trung tâm xã Ý Tý gần chục km. Theo tiếng dân tộc Hà Nhì, cầu có tên là Thiên Sơn Shù, dịch nghĩa là “trời sinh”. Sở dĩ gọi vậy là vì đây là cây cầu rất đặc biệt. Cầu chỉ ngắn chừng 1m, trước đây là một tảng đá tự nhiên bắc qua khe sâu hun hút dưới là dòng suối Lũng Pô gầm gào tung bọt trắng xóa. Từ hàng trăm, hàng ngàn năm trước, qua sự vận động kiến tạo địa chất, khối đá khổng lồ đã bị nứt ra tạo thành khe đá này. Đây cũng là biên giới giữa hai nước Việt Nam – Trung Quốc. Theo thời gian, hòn đá bắc qua khe sâu mòn dần đi, người dân qua đây phải bắc những thanh gỗ làm cầu rồi xây cầu bê tông như bây giờ. Đứng trên cầu nhìn xuống, người thận kinh vững mấy cũng có cảm giác chóng mặt, bởi dưới vực đá sâu là dòng suối Lũng Pô. Từ dưới nhìn lên thấy vách đá dựng đứng gần trăm mét, những tảng đá lớn, nhỏ được dòng nước mài giũa nhẵn bóng đủ các hình thù tầng tầng, lớp lớp. Có lẽ chính vì sự hùng vĩ này mà dòng suối có tên gọi Lũng Pô, tức là Ròng bô, rông thiêng trên thượng nguồn.

Đến thăm cầu Thiên Sinh, thấy bên đầu cầu phía Việt Nam là cột mốc biên giới số 87 được xây bằng đá hoa cương, phía bên kia là cột mốc của nước bạn Trung Quốc. Do chưa có điều kiện đầu tư xây dựng nên muốn đi từ trung tâm xã Ý Tý xuống cầu Thiên Sinh vẫn phải vượt qua gần chục km đường đá gồ ghề rất khó đi. Vì thế nhiều du khách muốn xuống Lao Chải ngắm ruộng bậc thang, tham quan cầu Thiên Sinh nhưng lại nản lòng. Trong tương lai, khi tuyến đường này được nâng cấp để đi hơn và cửa khẩu phụ được xây dựng khang trang thì đây sẽ trở thành điểm du lịch khá lý tưởng trong hành trình khám phá Ý Tý của du khách.

Thung lũng ruộng bậc thang Thè Pả

Khu danh thắng ruộng bậc thang thung lũng Thè Pả có diện tích khoảng 233,1 ha, nằm trên địa phận xã Ý Tý, trong đó, phần lớn diện tích ruộng bậc thang nơi đây do nhân dân thôn Lao Chải, Choản Thèn, Sín Chải (Ý Tý) canh tác.

Được hình thành từ hàng trăm năm nay, thung lũng ruộng bậc thang Thè Pả là sự đúc kết của cả một quá trình sản xuất lâu dài, những kinh nghiệm, tri thức dân gian của người dân địa phương. Giá trị của ruộng bậc thang Ý Tý, không chỉ về mặt thẩm mỹ, sự hùng vĩ mà còn chứa đựng trong đó là văn hóa của mỗi tộc người, về hệ thống tri thức dân gian ở nơi đây. Mỗi mùa canh tác đến, khu ruộng bậc thang thung lũng Thè Pả lại thu hút hàng nghìn lượt du khách ở khắp nơi đến tham quan, chiêm ngưỡng. Khách du lịch và giới nhiếp ảnh thường đặt cho mùa cày cấy ở nơi đây một cái tên đầy gợi hình là mùa nước đổ.

Khu ruộng bậc thang Thè Pả xã Ý Tý đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận xếp hạng Di tích Quốc gia vào ngày 12/10/2015, theo Quyết định số 3437. Giờ đây, ruộng bậc thang Thung lũng Thè Pả không chỉ là tài sản, nơi canh tác nông nghiệp của người dân bản địa mà còn là Di sản văn hóa vật chất đặc biệt, là sản phẩm đặc thù trong kế hoạch xây dựng thương hiệu cho du lịch tham quan, khám phá của xã Ý Tý nói riêng và tỉnh Lào Cai nói chung.

Công viên Ý Tý

Chỉ là một mảnh đất trống nằm phía cuối con đường dẫn đến bản Choản Thèn – Ý Tý. Đây là 1 điểm ngắm mây hấp dẫn, là chốn những du khách dừng chân nghỉ ngơi sau 1 chặng đường dài, là nơi cho ra những tấm hình selfie sở hữu khung cảnh mây trắng bồng bênh như tiên cảnh vào các ngày nắng vàng với bầu trời xanh ngắt.

Nhưng nơi đây còn ý nghĩa hơn khi được xem như là “thiên đường vui chơi”, là chốn trò chuyện, gặp gỡ và gắn kết tuổi thơ của trẻ em Hà Nhì. Không có cầu trượt, không có thú nhún, cũng không có xe lửa, “Công viên” chỉ là nơi trẻ em và vui chơi với nhau, đơn giản và bình dị, đây cũng là nơi để tổ chức những hoạt động lễ hội quan trọng của người Hà Nhì.

Chợ phiên Ý Tý

Chợ phiên họp duy nhất vào ngày thứ 7 hàng tuần, ngay trung tâm xã Ý Tý. Chợ bắt đầu từ sáng sớm, kéo dài đến xế chiều. Nơi đây không chỉ là nơi trao đổi, mua bán của người dân, mà còn là điểm du lịch thú vị đối với khách phương xa.

Hàng hóa bày bán ở đây chủ yếu là những sản phẩm do chính những người dân làm ra, như ớt, chuối, rau xu xu... số còn lại là những thương lái mang từ thành phố Lào Cai lên bán, như hàng thổ cẩm công nghiệp, vải vóc, đầu đĩa CD.

Đến đây, du khách như được hòa mình vào phiên chợ văn hóa với rực rỡ sắc màu thổ cẩm của các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Hà Nhì, đôi khi còn có cả người Trung Quốc từ bên kia biên giới cũng sang trao đổi mua bán hàng hóa ở đây. Mỗi dân tộc một kiểu trang phục, một cách vấn khăn, một lối trang sức, cùng nhau làm cho khu chợ Ý Tý trở nên đa sắc màu.

Ngải Thầu

Ngải Thầu Cách Y Tý khoảng 12km, nơi đây khí hậu ôn đới, quanh năm mây mù bao phủ tạo thành khung cảnh huyền ảo. Thời điểm ngắm mây thích hợp nhất là từ tháng 11 tới tháng 4 năm sau, ngoài ra du khách có thể kết hợp các chặng trekking, leo núi hay chạy xe máy phiêu du.

Bản Lao Chải

Lao Chải 1, 2 là những bản người Hà Nhì tiêu biểu ở xã Y Tý, huyện Bát Xát. Cách trung tâm xã không xa, du khách có thể trekking và tham quan những ngôi nhà trình tường của người Hà Nhì. Nhà trình tường được xây bằng đất, rất bền chắc, có nhiều ngôi nhà cả trăm năm tuổi vẫn chưa bị hỏng hóc. Những ngôi nhà nhìn như những cây nấm khổng lồ giữa núi rừng với kiến trúc lạ. Kết cấu và vật liệu xây nhà làm cho không gian bên trong ngôi nhà mùa đông thì ấm áp, mùa hè thì mát mẻ.

Đỉnh núi Lão Thần

Với cao độ 2.826 m, Lão Thần được coi là nóc nhà của xã Y Tý. Lão Thần là cái tên phổ biến nhất mà dân địa phương ở đây thường gọi khi nhắc tới đỉnh núi nhọn hoắt vươn mình sừng sững giữa mây trời. Người Mông ở đây còn gọi ngọn núi này bằng cái tên khác: Hậu Pông San. Núi Lão Thần là địa điểm trekking và điem săn mây lý tưởng rất thích hợp với những du khách ưa thích du lịch thể thao mạo hiểm, ham muốn chinh phục những đỉnh núi cao.

2.2.3.2 Lễ hội

Lễ Tết Gà Ma O

Cứ độ ngoài rằm tháng giêng, người Hà Nhì ở thôn Lao Chải 1, xã Y Tý lại tung bừng tổ chức Tết Gà Ma O (hay còn gọi là Tết Thiếu nhi) với mong muốn xua đuổi bệnh tật, lễ các thần linh để cầu chúc cho con trẻ trong thôn, bản hay ăn chóng lớn, mạnh khỏe, học giỏi, chăm ngoan.

Từ sáng sớm, mỗi gia đình trong thôn chuẩn bị một mâm cơm mang đến sân nhà trưởng thôn hoặc trưởng họ để làm Tết Thiếu nhi. Mỗi mâm cơm gồm các món đặc trưng như thịt gà, lạc rang, đỗ tương, trứng rán, rau cải luộc, bí đỏ luộc, khoai lang luộc, khoai sọ, khoai tây, xôi nếp và rượu trắng. Theo phong tục, chỉ đàn ông có vợ mới được tham gia phần lễ cúng, những nhà có người chết trong vòng 3 năm không được làm và tham dự ngày này. Sở dĩ phần nghi lễ được quy định khá nghiêm ngặt, linh thiêng vì Tết Gà Ma O là tết cầu sức khỏe cho trẻ nhỏ - mầm non tương lai của gia đình, dòng họ, bản làng nên nghi lễ phải được thực hiện thật uy nghi.

Thầy cúng và đại diện các gia đình làm lễ trước mâm thờ, cầu cho trẻ con trong thôn, bản luôn khỏe mạnh, xua tan bệnh tật, học hành tiến bộ. Trong khi thầy cúng làm lễ thần linh, thần rừng, lễ ông bà, tổ tiên, các em nhỏ kiên nhẫn ngồi phía sau hoặc chạy lăng xăng gần đó để chờ thụ lộc. Trên tay lũ trẻ thường cầm một chiếc giỏ đan bằng tre hoặc chiếc túi thổ cẩm đã chuẩn bị sẵn để đựng lộc.

Sau lễ cúng, người lớn sẽ phát lộc cho trẻ em, chúc cho con cháu mình có thể lực khỏe mạnh, có lòng dũng cảm và có trái tim tràn đầy tình yêu thương, bao dung như suối nguồn vô tận của núi rừng. Lộc chia cho lũ trẻ thường chỉ có mấy củ khoai sọ luộc, hoa quả hoặc mấy củ lạc - những món quà quê ngày thường lũ trẻ vẫn có sẵn để ăn, nhưng vì là lộc được phát từ mâm cỗ cúng trong Tết Gà Ma O nên mọi người rất quý, thường ăn bằng hết vì cho rằng nó sẽ tiếp thêm sức mạnh của thần linh cho lũ trẻ.

Sau nghi lễ cúng tế, đại diện các gia đình ngồi tại mâm cơm của mình và đi chúc rượu nhau. Mọi người cùng nhau ngồi ăn cơm, trao đổi kinh nghiệm nuôi dạy con cái, kinh nghiệm lao động sản xuất để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn trong năm mới.

Lễ Gạ Ma Gio – lễ cúng nguồn nước và thần rừng

Lễ được tổ chức vào ngày Thìn đầu tiên của tháng Giêng hàng năm. Trước ngày diễn ra Lễ cúng rừng Gạ Ma Gio, người Hà Nhì tổ chức nghi lễ cấm bản. Sau lễ cúng, dây được căng lên buộc những lưỡi giáo mác chéo từ tre nửa báo cắm trên các con đường chính dẫn vào bản để xua đuổi tà ma. Các hộ dân trong bản mang lễ vật là một đôi gà, kẹp xôi, rượu, hương... để làm lễ tạ nguồn nước đã nuôi sống bản làng bao đời qua. Phần lộc cúng tế nguồn nước sẽ được chia đều cho các hộ dân trong bản thưởng thức ngay tại chỗ.

Sau khi lễ tạ nguồn nước kết thúc, người dân trong bản mang nước từ dưới lên rừng cấm làm lễ. Mọi hành vi xâm phạm đối với rừng đều bị lên án và phải chịu hình phạt thích đáng. Mỗi thôn bản của người Hà Nhì đều có khu rừng cấm, đến mức việc chặt củi mục cành gãy cũng không được phép. Việc bảo vệ rừng được thực hiện bởi cộng đồng trong bản. Trong lễ này, mọi công việc phải tiến hành trong rừng già. Củi được người dân mang từ dưới bản lên bởi quy định cấm tuyệt đối khai thác rừng.

Việc dọn dẹp ban thờ và đặt lễ diễn ra với đầy đủ trình tự, thực hiện bởi hai thầy cúng. Gà và lợn được cúng tế tại phiến đá đặt trước ban thờ thần rừng. Sau đó thịt lợn được chế biến ngay tại rừng để làm lễ dâng lên thần linh. Không ai được đi giày dép trong khu rừng cấm của buổi lễ, việc này nhằm bày tỏ lòng tôn kính đến thần rừng. Chỉ ngôn ngữ của người Hà Nhì được sử dụng tại đây, tuyệt đối không dùng ngôn ngữ khác. Trước cửa khu rừng cấm, người dân đặt một cây nứa có tám đan, tiếng địa phương gọi là “Ta Leo” - biển cấm vào rừng.

Lễ vật gồm thủ lợn, con gà, kẹp xôi kèm quả trứng luộc, rượu và nước gừng. Thầy cúng chấp tay cung kính để tạ ơn thần rừng đã ban phát sự no ấm cho dân bản, sau khi hai thầy làm lễ xong, những người đàn ông đại diện cho mỗi hộ dân bản Lao Chải lần lượt quỳ khấn trước ban thờ. Trong các làng bản của người Hà Nhì, việc quản lý bảo vệ rừng, giữ nguồn nước luôn được đồng bào coi trọng và có cách ứng xử nhân bản từ xưa đến nay.

Lễ hội Khu Già Già

"Khu già già" hay còn gọi là Tết tháng Sáu của người Hà Nhì ở xã Ý Tý, huyện Bát Xát (Lào Cai) là một lễ hội lớn, kéo dài suốt bốn ngày (ngày Thìn, ngày Tỵ, ngày Ngọ, ngày Mùi) của tháng 6 âm lịch. Người Hà Nhì ở xã Ý Tý tổ chức Tết này nhằm tôn thờ và tri ân các vị thần bảo vệ mùa màng, cầu cho một mùa vụ bội thu, hoa màu tươi tốt, đây cũng là dịp để con cháu dâng lên tổ tiên những sản vật gieo trồng được trong năm qua.

Các Chức sắc trong làng triệu tập cuộc họp các già làng, trưởng họ, bàn việc đóng góp mua trâu và dựng lều cúng thần (nhà công viên), dựng các loại cây đu... từ chiều hôm trước. Theo tục lệ, trâu cúng thần phải là trâu đực, khỏe, lông đen tuyền và tìm mua ở bản khác. Khi mua trâu phải tìm hiểu con trâu đó thường ăn cỏ ở đồi nào thì người trong thôn đến khu đồi đó cắt cỏ gianh về lợp lều cúng thần. Lều cúng được dựng tại khu rừng cấm đầu bản.

Ngay từ sáng sớm ngày Thìn (ngày đầu của Tết) mọi người bắt tay vào công việc mà mình đã được giao từ chiều hôm trước. Mở đầu là lợp lại nhà "công viên" - nơi sẽ diễn ra các hoạt động chính của Tết. Nhóm thanh niên đi lấy cỏ gianh về lợp thay thế lớp cỏ của năm cũ. Trai, gái trong bản rủ nhau vào rừng lấy những cành củi nhỏ và lấy cây làm đu bập bênh. Phụ nữ trong thôn đảm nhiệm những công việc, như làm bánh giầy để chia đều cho các gia đình, dọn dẹp đường làng ngõ xóm, nhà cửa,... Sau khi hoàn tất, làng sẽ tiến hành nghi lễ mổ trâu tế thần rừng.

Nghi lễ mổ trâu và tế thần rừng diễn ra trong buổi sáng sớm ngày Tỵ (ngày thứ 2). Sau lễ cúng, thịt trâu sẽ được chia đều cho các gia đình trong thôn, dùng chế biến cùng với các nông sản khác làm cơm cúng tổ tiên vào buổi chiều. Riêng bộ lòng trâu được tổ chức ăn chung cả bản tại khu vực rừng cấm. Khi ăn chỉ có đàn ông được ngồi trong lều cúng, phụ nữ phải ngồi ăn bên ngoài.

Đến ngày thứ ba (ngày Ngọ), nghi lễ cúng chính thức của mỗi thôn sẽ diễn ra tại "công viên", có 16 - 20 gia đình uy tín trong thôn được tham gia lễ cúng này, mỗi gia đình chuẩn bị một mâm cơm bao gồm phần thịt trâu mổ từ hôm trước, các sản vật địa phương và rượu. Đồ cúng thần được xếp từng mâm, từng hàng bày trong lều, sau đó thầy cúng chính và hai thầy cúng phụ thay mặt dân làng thực hiện nghi lễ cúng thần, cầu cho mùa màng tốt tươi, người yên, vật thịnh... Sau lễ cúng chính, mâm cúng được hạ xuống, mọi người được mời ăn các lễ vật cúng tại "công viên", chúc nhau sức khỏe, mùa màng bội thu, cây cối tốt tươi.

Trong suốt những ngày tết, không khí tung bừng tràn ngập cả làng bản. Đặc biệt, trong ngày Mùi (ngày cuối của Tết), tất cả các điểm "công viên" đều diễn ra các trò chơi dân gian đặc sắc. Già làng đánh đàn, các cụ già say mê điệu múa hát truyền thống. Thanh niên nam nữ hát đối nhau và cùng vui chơi một số trò: trò đu dây, đu quay và hát giao duyên... Đây cũng là dịp để các chàng trai cô gái trong bản gặp gỡ và tìm hiểu nhau. Nhờ được gìn giữ và bảo tồn có hiệu quả, nên lễ hội Khu già già đã được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Lễ hội trùm chăn

Ngoài các trò chơi dân gian phổ biến, lễ hội còn có một phong tục lạ mắt và hết sức độc đáo, đó là tục trùm chăn. Trước khi đi hội, bao giờ các chàng trai chưa vợ cũng đem theo một cái chăn chiên mới. Gần tới nơi, họ giấu cái chăn ở một hốc đá, bụi cây hoặc có khi ở trong áo.

Tại lễ hội, chàng trai tham gia một cách hào hứng, chủ động, đặc biệt với các trò chơi đòi hỏi phải thể hiện hết năng lực và bản lĩnh đàn ông. Mục đích của họ nhằm thu hút sự chú ý của "phái đẹp". Qua ánh mắt các cô gái, sự nhạy cảm của tuổi đang yêu sẽ "mách" cho các chàng trai biết cô gái nào có cảm tình với mình và cảm tình ở mức nào. Vào thời điểm thích hợp, chàng trai lặng lẽ tách khỏi cuộc chơi chung, tìm

cách tiếp cận người đẹp. Những lời hỏi han, mời mọc, bông đùa và dĩ nhiên cả lời ướm thử, được các chàng trai thực hiện với mục đích thăm dò, xem phản ứng của “đôi tác” ra sao. Khi đã cảm thấy hợp, chàng trai tiến thêm một bước táo bạo hơn, nắm lấy tay cô gái và lôi đi. Dĩ nhiên cô gái sẽ chống cự, nhưng là sự chống cự cho “phải phép”, tay có vẻ nhùng nhằng nhưng miệng thì cười duyên rũ và chân lại bước theo người ta. Chàng trai lập tức lấy cái chặn mà mình đã giấu sẵn, trùm lên đầu cô gái, rồi dẫn cô gái ra bìa rừng, bờ suối hoặc chỗ nào đó, hai người ngồi bên nhau tâm sự.

Qua tâm sự, nếu cảm thấy không thể tiếp tục tình yêu được, thì họ sẽ chia tay và không bao giờ lặp lại chuyện trùm chặn nữa. Trường hợp cả hai bên đều hài lòng về nhau, thì đợi lúc gần sáng chàng trai sẽ vác cô gái về “giấu” ở nhà mình. Sau đó ít ngày, nhà trai cử người sang nhà gái mời mai, xin với nhà gái cho đôi trẻ được tự do tìm hiểu trên quan điểm đi đến hôn nhân. Trùm chặn, thực ra là bước đầu tiên của tục “cướp vợ”, tương tự như tục “cướp vợ” của dân tộc Mông. Song chính động tác trùm chặn đã tạo nên sự khác biệt, độc đáo, phản ánh một nét văn hoá hôn nhân truyền thống mang bản sắc Hà Nhì, rất chung mà lại rất riêng...

2.2.3.3 Các tộc người sinh sống

Tộc người Hà Nhì

Xã Y Tý có 16 thôn, bản thì 8 thôn là người Hà Nhì sinh sống, chiếm 54,2 % dân số của xã.

Sống trên vùng núi đá có độ cao trên 2000m, nơi đây quanh năm giá rét và mây mù nhiều hơn nắng nên người Hà Nhì làm những ngôi nhà bằng đất, tường dày vài gang tay để chống lại mùa đông lạnh buốt.

Người Hà Nhì có truyền thống khai khẩn ruộng bậc thang và chăn nuôi. Các nghề thủ công như đan lát, dệt vải cũng rất phổ biến. Người Hà Nhì tự túc được vải mặc, trang phục của người đàn ông thường có màu xanh đen, còn người phụ nữ có yếm xanh, thêu hoa văn nổi cầu kỳ. Đặc biệt, phụ nữ Hà Nhì đen rất chú ý đến việc điểm trang cho mái tóc. Họ đội trên đầu một cuộn tóc giả to màu đen, được bện bằng những sợi tách ra từ vỏ rễ cây trong rừng. Những cuộn tóc giả được nhuộm bằng thuốc nhuộm chế biến từ các loại cây cỏ có màu đen bóng giống như tóc thật, được bện bằng những sợi tách ra từ vỏ cây trong rừng, và nhuộm bằng thuốc nhuộm chế biến từ các loại cây cỏ ngoài tự nhiên. Hoặc họ đội mũ vải được trang trí các đồng xu nhôm, các hình quả bông được làm từ chỉ nhiều màu, vừa làm đẹp, vừa trừ tà ma.

Họ sinh sống trong những ngôi nhà trình tường không có hiên, khung dáng hình vuông. Mái nhà có dốc ngắn, gồm 4 mái, lợp bằng cỏ gianh. Móng nhà trình tường nằm ngay trên đất bằng, được đặt bằng các loại đá núi. Kết cấu quan trọng nhất là tường nhà, được đắp dày từ 40 - 45cm, trong lõi có xếp đá cỡ nắm tay, cao khoảng 4 - 5m, giúp cho người Hà Nhì Đen giữ ấm tốt, thể hiện sự thích ứng với thời tiết lạnh giá ở cao nguyên Y Tý. Mặt tường bên trong và bên ngoài đều được mài nhẵn mịn. Diện tích mỗi ngôi nhà trình tường dao động từ 65 - 80m².

Những ngôi nhà trình tường độc đáo trông như những cây nấm khổng lồ mọc bên sườn núi, cùng bản sắc văn hóa đậm đà của người Hà Nhì Đen đã tạo thêm sức hút cho vùng đất Y Tý xa xôi.

Tộc người Mông

Người Mông ở Y Tý đa phần là người Mông Trắng, họ chiếm 29,7% dân số. Người Mông ở Y Tý tập trung vào trồng trọt và chăn nuôi. Họ trồng lúa, ngô và một số loại cây hoa màu như lạc, khoai tây, đậu và các loại rau. Họ cũng thu hoạch thảo quả, táo mèo đem bán để có thêm thu nhập. Họ còn nuôi các loại gia súc, gia cầm như trâu, bò, lợn, gà...

Trang phục truyền thống của phụ nữ Mông trắng ở Y Tý gồm có áo với phần cổ hình chữ nhật được trang trí tinh xảo, quần ngắn đến bắp chân, xà cạp trơn màu đen, khăn quấn nhiều lớp trên đầu và một chiếc tạp dề. Tạp dề được trang trí rất công phu: phần chính giữa được thêu ghép vải với một tấm hoa văn to hình chữ nhật ngang và hai miếng chữ nhật nhỏ nằm dọc hai bên. Phần thắt lưng nối với tấm tạp dề có ghép mỗi bên ba ô hình vuông được thêu rất cầu kỳ bằng kỹ thuật ghép vải trở thúng với các hoa văn đa dạng hình xoắn ốc. Xen kẽ giữa các ô vuông này là các đoạn vải trơn màu đỏ, có thêm vài đường chỉ trắng thêu theo chiều dọc.

Hoa văn truyền thống trên trang phục của người Mông trắng ở Y Tý được sáng tạo và lấy cảm hứng từ những vật dụng quen thuộc hàng ngày như chiếc lược chải tóc, lỗ của chiếc kim khâu, con ốc sên, bông hoa hay hạt dưa... Kỹ thuật thêu của họ cũng rất tinh xảo, bao gồm kỹ thuật thêu đắp vải hình xoắn ốc và thêu dấu nhân. Tuy các mẫu hoa văn truyền thống này luôn có tông màu trầm, không quá sặc sỡ với những mảng màu lớn, nhưng lại có sức lôi cuốn người nhìn đặc biệt bởi các đường nét thêu vô cùng tinh xảo và kỹ thuật.

Tộc người Dao

Người Dao sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa, ngoài ra họ còn trồng thêm một số cây màu như ngô, đậu, sắn... và phát triển nghề trồng cây công nghiệp là cây quế. Bên cạnh đó còn duy trì một số nghề thủ công truyền thống như thêu dệt thổ cẩm, làm giấy bản.

Về trang phục truyền thống, đàn ông mặc quần màu chàm đen, áo ngắn tay hoặc dài tay màu chàm đen có trang trí một số họa tiết đỏ. Trang phục phụ nữ phong phú hơn, giữ được nhiều nét trang trí hoa văn truyền thống. Đầu đội mũ, cổ đeo vòng bạc. Cô dâu trong ngày cưới đội khăn hoặc mũ màu đỏ, chú rể không đi rước dâu mà ở nhà chờ đón cô dâu về. Việc rước dâu do ông Mờ (người của họ nhà gái chịu trách nhiệm đưa cô dâu về nhà chồng) đảm nhiệm.

Trong quan hệ gia đình, hiện nay người Dao còn duy trì quan hệ gia đình hai thế hệ hoặc ba thế hệ. Người chồng giữ vai trò là chủ gia đình, người vợ làm công việc đồng áng và nội trợ.

Lễ hội của người Dao có lễ du xuân, lễ cấp sắc để công nhận cho các chàng trai đã bước vào tuổi trưởng thành. Trong lễ hội có các trò chơi dân gian như: đánh gụ, đẩy gậy, đánh cầu lá, ném còn, kéo co, bắn nỏ.

2.2.3.4 Nghệ thuật truyền thống

Múa trống chiêng

Đây là điệu múa mang tính nghi lễ, thường múa vào dịp tết năm mới, cầu chúc cho dân làng và gia chủ làm ăn phát triển, bản làng yên vui, vạn vật sinh sôi phát triển. Khi đến chúc tết tại gia đình sẽ mở hội múa trống chiêng ngay tại nhà, đội múa gồm cả nam nữ cả chủ và khách. Khi nhịp trống nhà chủ vang lên cũng là lúc đội múa

bắt đầu động tác hai tay co lên chụm trước bụng, hai chân hơi nhún về phía trước bắt đầu xoay từ bên trái 3 vòng rồi lại quay ngược lại ba vòng bên phải. Tay và chân cùng múa chung một nhịp, khi quay bên nào thì chân đó mở một khẩu độ khoảng 10-12 cm phối hợp cùng hai cánh tay. Cứ như vậy tập thể múa hình thành một vòng tròn, theo nhịp trống chiêng cùng vui mừng chúc tết cho gia chủ, cầu chúc năm mới gia đình làm ăn gặp nhiều may mắn, phát triển hơn năm cũ.

Múa úp chiêng

Điệu múa úp chiêng là điệu múa tập thể nam nữ. Nam nữ kết hợp thành một vòng tròn theo nhịp trống chiêng, tay cầm chiếc chiêng đồng để úp bắt cá. Động tác này vừa mô phỏng việc tìm kiếm nguồn thức ăn vừa thể hiện sự giao hoà giữa trời và đất, thiên nhiên cây cỏ và con người. Khi múa, đôi múa bước chân quay mặt theo hướng vòng từ trái qua phải và ngược lại. Còn điệu múa cầm giỏ đựng com lại gắn liền với công việc của chị em phụ nữ, bởi với người Hà Nhì thì việc trông lúa gặt và làm ra thóc lúa là công việc chính của chị em. Khi múa chị em mô phỏng, tay cầm giỏ đựng com, cũng có khi người múa cầm luôn chiếc giỏ đựng com để múa theo nhịp 1-2 hoặc nhịp 3-4. Trong quá trình múa có diễn từng quy trình diễn tả quá trình tra lúa và thu hoạch lúa, cảm ơn hồn mẹ lúa, thần lúa nương đã phù hộ cho người dân có hạt thóc, hạt gạo để ăn...

Múa trống

Người Hà Nhì ở Y Tý còn có điệu múa trống. Múa trống là điệu múa của nam giới, thường múa trong lễ hội cầu mùa. Các động tác múa trống mang ý nghĩa cầu mong tiếng sấm đầu tiên trong năm, năm đó sẽ được mùa màng bội thu nhiều lúa gạo. Dân bản có cuộc sống bình yên. Trống tròn còn là biểu tượng của trời và đất, đánh trống nhằm báo hiệu một niềm vui, niềm vui được mùa màng, niềm vui của người chiến thắng. Múa trống của người Hà Nhì rất đặc sắc, có hai điệu múa là múa với một trống và múa với nhiều trống. Với 1 trống thì trống được đặt ở giữa một bãi đất rộng, khi múa các chàng trai đi vòng quanh trống dùng khuỷu tay, bả vai, đầu gối, gót chân và đánh mạnh vào mặt trống tạo lên những tiết tấu nhanh, mạnh, khoẻ khoắn và nhịp điệu luôn biến đổi ngẫu hứng. Còn đối với múa nhiều trống, nhóm múa gồm từ 6 đến 8 người. Mỗi người một chiếc trống dùng để diễn tả quá trình từ lúc khai khẩn đất hoang dựng bản dựng làng đến việc cấy hái, mùa màng bội thu. Đây là điệu múa có nhiều nét âm hưởng, bi tráng.

2.2.3.5 Âm Thực

Nấm hương Y Tý

Mùa hè đến, cũng là thời điểm nấm hương Y Tý nở rộ được người dân trên rừng hái xuống, bán trong những phiên chợ thường ngày. Miếng nấm hương nhỏ, mềm, khi rửa sạch và chế biến có mùi rất thơm, làm hài lòng những người nội trợ khó tính nhất. Du khách có thể tìm ra chợ mua về làm quà cho những người thân thiết cũng rất hợp lý và tinh tế.

Bia Hà Nhì

Người Hà Nhì xã Y Tý có truyền thống làm bia thủ công. Khi ghé thăm bất cứ nhà nào, du khách cũng thấy những dụng cụ nấu bia, ủ bia để dùng trong các dịp Lễ, tết quan trọng.

Đặc sản Y Tý – Bia Hà Nhì được làm từ gạo nếp ruộng. Sau khi phơi đủ nắng để hạt mảy đều và có mùi thơm dịu, người ta đem đãi sạch, ngâm nước và đồ thành xôi. Sau khi xôi chín, dàn đều ra mẹt, để nguội. Tiếp đến, đun nước sôi để nguội, vẩy lên mẹt cho từng hạt tơi ra, không dính vào nhau. Bên cạnh hạt gạo, men cũng là yếu tố quan trọng để chế biến một mẻ bia chất lượng.

Men được chế biến từ hạt cây rừng, giã nhỏ, trộn với bột gạo nếp và ủ vùi trong rơm. Khi xôi đã nguội, người ta rắc men, trộn đều rồi ủ kín trong hũ sành. Ba ngày sau, phần xôi lên men, tiết ra nước cốt trắng ngà, có hương thơm dịu, vị ngọt thanh. Người ta đổ thêm nước đun sôi để nguội vào hũ và tiếp tục ủ, đủ 15 ngày sẽ cho ra thành phẩm ưng ý. Tỷ lệ như sau 10kg gạo nếp – 7 lít bia. Theo kinh nghiệm của người Hà Nhì, bia được ủ càng lâu càng tốt, khi thấy nước bia chuyển sắc vàng thì uống rất ngon.

Cải mèo

Cây cải mèo có lá dài màu xanh đậm, viền lá xoắn màu xanh đậm. Thông thường, người dân địa phương chỉ gieo hạt ven nương rồi để cây mọc tự nhiên nên rau rất sạch và tươi ngon. Người dân địa phương có nhiều cách chế biến rau cải mèo, từ xào, nấu, luộc hay dùng để nhúng lẩu cũng rất ngon. Cách phổ biến nhất là thái nhỏ rau, đun sôi nước, thả gừng đập dập và rau vào nấu canh. Nếu muốn, cũng có thể băm nhỏ thịt và nêm thêm gia vị cho vừa vặn để thưởng thức.

Táo mèo

Quả táo mèo hay còn được gọi là quả sơn tra, nổi tiếng với du khách Tây Bắc bởi hương vị chua, chất đặc trưng, thường dùng để nấu rượu.

Táo mèo sau khi thu hoạch được rửa sạch, sơ chế theo phương thức bí truyền của từng gia đình. Đôi khi người ta bỏ đôi quả táo mèo, ngâm muối cho bớt nhựa. Ngược lại, có nhà để nguyên cả quả, cho vào bình thủy tinh ngâm trong vài tháng để táo tiết nhựa, uống rượu thấy hương thơm. Qua 6 đến 8 tháng, rượu sẽ ngấm, tạo nên rượu thơm ngon, bổ dưỡng, rất được những du khách miền xuôi ưa chuộng.

Thắng cố

Ở chợ phiên, du khách thường bắt gặp hình ảnh một chiếc chảo to sôi lục sục tỏa hương thơm hấp dẫn, ấy là món ăn rất đặc trưng của vùng núi phía Bắc. Chảo thắng cố gồm có thịt ngựa, lòng, tim, gan, tiết ngựa và 12 thứ gia vị thảo quả và nhiều gia vị gia truyền. Trong đó, cây thắng cố là gia vị thứ 12. Món thắng cố được chế biến khá đơn giản. Thịt và nội tạng ngựa được rửa sạch, ướp gia vị. Người nấu dùng một cái chảo cũ lớn cho tất cả nguyên liệu vào xào cho đến khi miếng thịt se lại thì đổ nước vào ninh hàng tiếng đồng hồ trên bếp than hồng rực. Khi ăn, người ta sẽ múc nước dùng ra, thái thịt ngựa bỏ vào, ăn kèm với tương ớt và các loại rau như cải mèo, ngồng su hào, cải lẩu,... Kết hợp uống chút rượu ngô khi ăn thắng cố thì không còn gì bằng.

2.3 Đánh giá tài nguyên du lịch ở Y Tý

2.3.1 Lợi thế

Y Tý có tài nguyên du lịch tự nhiên tương đối phong phú và hấp dẫn, được hình thành bởi đặc điểm tổng hoà của các yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu, thực động vật.

Với sự phong phú về tài nguyên này Y Tý có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, danh lam thắng cảnh, nghỉ dưỡng, leo núi...

Y Tý được thiên nhiên ban tặng cho những dãy núi cao và phương pháp canh tác của người bản địa có khả năng phát triển du lịch mạo hiểm leo núi và loại hình trekking đi bộ. Một nơi có nhiều đồng bào sinh sống là điều kiện thuận lợi phát triển du lịch văn hóa cộng đồng.

Y Tý có thể thu hút được lượng lớn đối tượng du khách yêu thích tham quan khám phá, nghỉ dưỡng chón cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, tìm hiểu về văn hóa tộc người và yêu thích thử thách bản thân bằng địa hình và leo núi,...

Là một nơi cách trung tâm du lịch Sapa 70km , nên Y Tý có cơ hội đón nhận và tận dụng sự phát triển chung của vùng. Trước hết là đón nhận sự đầu tư vào kết cấu hạ tầng như giao thông đường bộ,... cho phát triển kinh tế - du lịch.

Hiện nay xã Y Tý đang tăng cường và khuyến khích các nguồn vốn phát triển một số dịch vụ lưu trú homestay, dịch vụ ăn uống , thông tin liên lạc, dịch vụ,... Đầu tư công nghệ chế biến để tạo ra sản phẩm hàng hoá có thương hiệu riêng biệt của xã như : Bia Hà Nhì, nấm hương,...

2.3.2 Hạn chế

Do đặc điểm về địa hình, thời tiết, khí hậu và các yếu tố bất lợi như: mưa, lạnh giá, sương muối... nên hoạt động du lịch sẽ bị ảnh hưởng nếu chỉ khai thác các lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên. Vì vậy, đối với du lịch Y Tý, điều quan trọng để hoạt động du lịch là phải khai thác các thế mạnh về tài nguyên tự nhiên, đồng thời phải tổ chức các loại hình du lịch phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu của vùng.

Tài nguyên du lịch của Y Tý vẫn còn ở dạng tiềm năng chưa được khai thác sâu vì thế vấn đề đặt ra là phải đánh giá được đúng tài nguyên của Y Tý. Trên cơ sở đó các cấp, các ngành có liên quan cần có quy hoạch để đầu tư, tôn tạo, bảo vệ và khai thác một cách tốt nhất, đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng và góp phần phát triển kinh tế-xã hội của Y Tý.

Tiểu kết chương 2

Y Tý từ lâu đã được biết đến là một điểm du lịch sẵn mây nổi tiếng đối với các phượt thủ chân chính và các du khách du lịch quốc tế. Cách trung tâm du lịch SaPa 70km, so với sự đông đúc, náo nhiệt như Sapa thì Y Tý lại mang một sự yên tĩnh, bình yên hoang sơ.

Ngày nay, với vị trí ấy Y Tý có điều kiện thuận lợi để gắn kết với các tour du lịch đến Sapa và là điểm dừng nghỉ chân lý tưởng. Y Tý cũng có tiềm năng để phát triển du lịch với nhiều điểm có cảnh quan hấp dẫn. Tuy nhiên hiện nay, du lịch Y Tý chưa phát triển và chưa được đánh giá đúng vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Y Tý.

Trên cơ sở phân tích một số tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, từ đó đánh giá những thuận lợi cũng như hạn chế trong việc đưa tài nguyên vào khai thác phục vụ du lịch. Từ những đánh giá này để đề ra những định hướng và giải pháp để du lịch Y Tý thực sự phát triển.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở Y TÝ

3.1 Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở Y Tý

3.1.1 Giao thông vận tải và thông tin liên lạc

Trên địa bàn Y Tý có 2 tỉnh lộ đi qua là tỉnh lộ 156 và tỉnh lộ 158. Tỉnh lộ 156 nối liền với trung tâm du lịch SaPa, tỉnh lộ 158 nối Y Tý với thành phố Lào Cai và cửa khẩu quốc tế Hà Khẩu. Khoảng cách của cả 2 tỉnh lộ nối đến Y Tý là gần 70km.

Hiện nay tỉnh lộ 156 nối với Sapa đang được nâng cấp và mở rộng nhằm thuận tiện cho việc di chuyển của khách du lịch. Đa có rất nhiều những doanh nghiệp, công ty tham gia chương trình “mỗi năm một cây cầu ở Y Tý”. Mỗi năm, các doanh nghiệp sẽ đầu tư chi phí để xây dựng những cây cầu mới cho Y Tý, nhằm giúp người dân di chuyển, sinh hoạt dễ dàng hơn và du khách có thể di chuyển thuận tiện hơn.

Trên địa bàn xã đã có bưu điện văn hoá xã với một hệ thống các máy điện thoại cố định. Y Tý cũng có các cột sóng của các mạng điện thoại di động, đảm bảo phủ sóng ngay ở vùng sâu, vùng xa. Y Tý có 2 trạm phát sóng truyền hình, một hệ thống phát sóng FM, 6 cụm loa truyền thanh không dây và đài truyền thanh truyền hình.

3.1.2 Cơ sở lưu trú và nhà hàng phục vụ ăn uống

Hệ thống các nhà nghỉ của Y Tý hiện nay ở quy mô nhỏ, tập trung chủ yếu ở trung tâm xã.

Hiện tại Y Tý có một số Homestay chuyên phục vụ nghỉ ngơi, ăn uống cho các du khách như: Homestay Y Tý Cô Si, Homestay Thảo Nguyên Xanh, Homestay Y Tý Clouds, Homestay Discover Y Tý,...

3.1.3 Dân cư và lao động

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 dân số ở xã Y Tý là 6.939 người với gần 1200 hộ. Tỷ lệ phát triển dân số giảm dần qua các năm từ 2010 đến 2018 là 2,5%.

Mật độ dân số trong huyện phân bố không đều, bình quân trên toàn xã là 42 người/km², cao nhất là ở thị trấn 102 người/km², bản có mật độ đông nhất là bản Lao Chải 1 102 người/km², bản có mật độ thấp nhất là Mò Phú Trãi 23 người/km².

Y Tý có tổng số gần 6200 người trong độ tuổi lao động. Chủ yếu là lao động lâm – nông nghiệp. Lao động là cán bộ công nhân viên chức là 200 người.

3.2 Định hướng phát triển du lịch

3.2.1 Định hướng phát triển du lịch ở Y Tý

Định hướng phát triển du lịch ở Y Tý là xây dựng một số dự án cụ thể, xây dựng các tuyến du lịch, tạo sự hấp dẫn để thu hút khách, đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành

du lịch ở Y Tý, từng bước đưa Y Tý trở thành một trong những khu vực có nhiều nguồn lực để phát triển du lịch.

Để thực hiện được các định hướng trên trước hết cần phải:

*Xây dựng các điểm du lịch

- Cầu Thiên Sinh, cột mốc biên giới, từ trung tâm xã đi theo đường thôn bản Lao Chải, cách trung tâm xã gần 10km
- Công viên Y Tý ở bản Choán Thèn
- Điểm ngắm mây lý tưởng ở Homestay Y Tý Clouds
- Thung lũng ruộng bậc thang Thè Pả cách trung tâm Y Tý 5km

* Phát triển các loại hình du lịch:

Các loại hình du lịch có thể định hướng để phát triển như: du lịch thăm quan, nghiên cứu, du lịch leo núi, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá cộng đồng.

3.2.2 Định hướng phát triển thị trường khách du lịch

3.2.2.1 Thị trường khách châu Âu

Hàng năm Lào Cai và Sapa đón hàng ngàn lượt khách du lịch quốc tế đến từ các nước Pháp, My, Anh, Đan Mạch, Đức,...Khách du lịch châu Âu, họ đến từ các nước phát triển, có nguồn thu nhập cao và họ có khả năng sử dụng dịch vụ và chi trả cao. Họ là những người yêu thích khám phá và tham quan, thích đến những nơi hoang sơ để trải nghiệm, nghiên cứu và nghỉ dưỡng. Ngoài Sapa ,Y Tý cũng có tiềm năng để phát triển du lịch với nhiều điểm có cảnh quan tự nhiên hấp dẫn, có thể thu hút lượng lớn khách du lịch quốc tế. Nếu như những tiềm năng du lịch của Y Tý được khai thác sử dụng có thể liên kết với các điểm du lịch trong tỉnh Lào Cai, thành phố Lào Cai – Sapa – Y Tý, tạo ra những điểm tham quan du lịch mới lúu chân du khách ở lại lâu hơn.

3.2.2.2 Thị trường khách Trung Quốc

Trung Quốc một đất nước rộng lớn thứ 3 trên thế giới, với dân số 1,4 tỷ người (năm 2018) chiếm khoảng 18% dân số thế giới, Trung Quốc đang được coi là một quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế cao trên thế giới. Kinh tế tăng trưởng nên thu nhập của người dân tăng đặc biệt là dân ở các đô thị, các trung tâm kinh tế lớn của Trung Quốc. Thêm vào đó đồng nhân dân tệ trở nên mạnh so với một số ngoại tệ khác (trong đó có Việt Nam), do đó người dân có cơ hội đi du lịch nước ngoài nhiều hơn.

Mặt khác cũng như nhiều nước có nền kinh tế phát triển, cuộc sống công nghiệp đã tạo cho người dân nhiều căng thẳng và áp lực trong công việc. Họ muốn đi du lịch để thay đổi môi trường sống, giải toả stress, nâng cao sức khoẻ và tạo trạng thái tốt khi bước vào công việc. Hơn thế nữa, xã hội Trung Quốc đang phát triển, xu hướng đi du lịch nước ngoài để nâng cao tầm hiểu biết tăng, chính vì vậy du lịch đang trở thành một nhu cầu thiết yếu và trở nên phổ biến với người dân Trung Quốc.

Trong xu thế phát triển du lịch đó, Việt Nam một nước láng giềng có chung đường biên giới, có nền văn hoá tương đồng, chính trị ổn định được thế giới bầu chọn là điểm đến du lịch an toàn và thân thiện đã được Quốc vụ viện nhân dân Trung Hoa chính thức đưa vào danh sách 15 nước và lãnh thổ được nhận khách du lịch Trung

Quốc. Trong đó Lào Cai đã trở thành một điểm đến tất yếu của du khách Trung Quốc bởi nó có nhiều thuận lợi về giao thông với cửa khẩu quốc tế Hà Khẩu và khu du lịch SaPa một trung tâm du lịch lớn ở Việt Nam.

Bảng 8 thị trường khách quốc tế lớn lưu trú ở Lào Cai:

STT	Thị trường	Năm 2017	Năm 2018
1	Trung Quốc	30380	36720
2	Pháp	21627	30168
3	My	18330	22180
4	Đan Mạch	13165	20615
5	Anh	13085	12190
6	Úc	25145	29975
7	Hàn Quốc	9845	33270
8	Thái	3056	7925

Nguồn: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai.

Qua những số liệu thực tế trên có thể nhận thấy số lượng khách du lịch Trung Quốc đến Lào Cai ngày một tăng và là thị trường lớn nhất trong 8 thị trường khách quốc tế lưu trú tại Lào Cai. Chính vì thế trong định hướng phát triển du lịch của Y Tý cần chú trọng khai thác thị trường khách tiềm năng này.

3.2.2.3 Thị trường khách Việt

Mặc dù là điểm du lịch xa, nhưng Y Tý cũng đã thu hút được khá nhiều lượt khách du lịch trong nước. Khách du lịch nội địa khá đa dạng, chủ yếu đến từ các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình,...đôi khi còn có cả khách thành phố Hồ Chí Minh. Họ chủ yếu là những người trẻ, nhân viên văn phòng yêu thích khám phá trải nghiệm và mạo hiểm. Họ đi theo hình thức phượt tự do, kết hợp giữa tham quan khám phá và nghỉ dưỡng. Mức chi tiêu trung bình của khách nội địa khoảng 300 – 450 VND/khách/ngày. Du khách trong nước đến Y Tý đều vào các mùa trong năm, vì mỗi mùa Y Tý lại mang những nét đẹp riêng.

3.3 Một số giải pháp để phát triển du lịch ở Y Tý

3.3.1 Xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng

Bản Lao Chải 1 và Lao Chải 2 Y Tý là nơi có nhiều đồng bào dân tộc Hà Nhì sinh sống và còn lưu giữ được những nét văn hoá truyền thống của dân tộc. Vào những ngày đầu xuân, hàng năm tại đây đều diễn ra lễ hội văn hoá “Khu Già Già” dân tộc Hà Nhì. Nơi đây có thể xây dựng làng văn hoá cộng đồng để phục vụ hoạt động du lịch. Y Tý và 2 bản Lao Chải cần tuyên truyền vận động người dân xây dựng và thực hiện nếp sống văn hoá, tạo ra biến chuyển trong nhận thức của bà con. Tuyên truyền người dân tham gia vào hoạt động du lịch với ý thức bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hoá.

Với mục đích xây dựng thành điểm du lịch cộng đồng cần tổ chức xây dựng công bản và sơ đồ tham quan, làm đường từ trực chính đến mỗi hộ gia đình, đưa toàn bộ chuồng trại gia súc, gia cầm ra xa nhà tạo môi trường xanh - sạch - đẹp. Bên cạnh đó cũng cần thành lập đội văn nghệ phục vụ du khách những điệu múa hát truyền thống của người Hà Nhì.

3.3.2 Bảo tồn nhưng ngôi nhà cổ của người Hà Nhì

Y Tý là nơi sinh sống của phần lớn người Hà Nhì, họ cư trú và sinh hoạt trong nhà tường trình. Đây là một kiểu nhà truyền thống của người Hà Nhì với kiến trúc và cách xây dựng rất độc đáo. Nhà tường trình được làm bằng đất núi có độ kết dính cao, tường nhà được là dày 40cm, mái được lợp bằng cỏ ranh hoặc rơm rạ. Nhà trình tường của đồng bào Hà Nhì có một cửa ra vào ở chính giữa nhà và một cửa phụ ở đầu hồi nhà bên trái, hoặc bên phải để ra phía sau.

Trải qua hàng trăm năm người Hà Nhì vẫn gìn giữ được phương pháp xây dựng nhà truyền thống của dân tộc mình. Hiện Y Tý có rất nhiều nhưng ngôi nhà tường trình hơn trăm tuổi, mái rêu phong rất đẹp. Nhưng có một thực tế đau lòng là các ngôi nhà cổ này đang bị chính những người chủ dỡ bỏ và “hiện đại hóa” lợp bằng phi-brô-xi-măng, có nhà lợp tôn. Lợp như thế nhà có vẻ chắc chắn nhưng lại làm mất đi vẻ đẹp nguyên sơ của nhà trình tường. Ở những vùng du lịch mà lợp mái như thế chắc chắn sẽ làm giảm sự thu hút du khách, bởi du khách ở xa đến mong tìm sự thanh thản, thả hồn bay bổng trong vẻ đẹp của cảnh vật, kiến trúc độc đáo của những ngôi nhà cổ.

Để những ngôi nhà cổ này không dần bị mất đi thì trước hết cần phải cho những người chủ của ngôi nhà thấy được giá trị văn hoá kiến trúc, thấy được ý nghĩa của việc bảo tồn và gìn giữ. Các ban ngành xa Y Tý cũng cần có những quy định trong việc bảo tồn những ngôi nhà cổ nhưng cũng cần tạo điều kiện cho người dân vẫn có thể sinh sống mà không làm ảnh hưởng đến kiến trúc của những ngôi nhà cổ này.

3.3.3 Tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư

Hoạt động du lịch là hoạt động có tính chất liên ngành. Vì vậy để đạt được hiệu quả cao thì sự phối hợp giữa các ngành, các cấp liên quan là rất cần thiết và đảm bảo sự bền vững của ngành. Tăng cường sự liên kết hợp tác để tạo điều kiện học hỏi kinh nghiệm cũng như nhận được các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ cho việc phát triển du lịch và bảo vệ môi trường một cách bền vững, đem lại lợi ích lâu dài.

Cần đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường, liên kết với các doanh nghiệp trong ngành để tạo sức mạnh. Chủ động bắt tay liên kết với các tập đoàn doanh nghiệp lớn, có thương hiệu mạnh để hỗ trợ phát triển. Bên cạnh đó cũng cần phải ưu tiên hợp tác khu vực để có được các điều kiện đầu tư, liên kết thị trường.

Để thu hút được nguồn vốn đầu tư thì cần phải tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn với nhiều chính sách ưu đãi như chính sách ưu tiên về đất đai, cải cách thủ tục hành chính, chính sách miễn giảm thuế trong những năm đầu cho các dự án, chính sách ưu tiên vay vốn ưu đãi...

Đặc biệt cần phải ban hành, xây dựng nhiều cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích để thu hút nhân tài, nhà khoa học, các chuyên gia làm việc cho các dự án phát triển du lịch.

3.3.4 Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng

Việc phát triển du lịch của một vùng, một địa phương, một tỉnh hay một quốc gia không thể không gắn liền với việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật. Đây là một yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển hay không phát triển của một điểm du lịch. Yếu tố này có mối quan hệ qua lại khăng khít với nguồn tài nguyên, giúp cho việc khai thác hết những tiềm năng mà bản thân nó vốn có.

Hơn thế nữa, xuất phát điểm nền kinh tế chung của xã Y Tý còn ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc và chưa tương xứng với tiềm năng của xã do đó hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách du lịch. Vì vậy cần phải đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Vấn đề điện, nước cần được chú trọng đầu tư nâng cấp. Đảm bảo nguồn điện dồi dào và đặc biệt nguồn nước phải đảm bảo đầy đủ, sạch sẽ và hợp vệ sinh cho nhu cầu của khách du lịch.

Vấn đề thông tin liên lạc cần đầu tư nhiều, chủ yếu là các trạm thông tin, điện thoại, điện báo tại các nơi du lịch, các điểm du lịch để khách có thể trao đổi thông tin một cách tốt nhất, đó là yêu cầu cần thiết mang tính xác thực trong điều kiện khoa học, công nghệ và ngành thông tin liên lạc phát triển.

Song song với việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Đây được coi là yếu tố quan trọng liên quan đến thời gian lưu trú dài hay ngắn ngày của khách. Chính vì vậy cần có sự tập trung đầu tư và hoàn thiện cho hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật.

3.3.5 Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Con người là yếu tố then chốt quyết định sự thành công hay thất bại của hoạt động du lịch. Bởi vậy phải có nguồn lao động có chất lượng mới có thể tạo ra những sản phẩm hàng hoá có chất lượng. Chất lượng nguồn nhân lực bị ảnh hưởng rất lớn bởi việc tuyển dụng và sử dụng lao động đúng nguyên tắc, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và môi trường làm việc.

Hiện nay, trên địa bàn xã chưa có đội ngũ chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Vì vậy cần phải chú trọng công tác giáo dục đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực du lịch.

Trong chương trình đào tạo cần coi trọng đào tạo đội ngũ quản lý nhà nước và điều hành kinh doanh theo hướng cung cấp kiến thức về du lịch, kiến thức về nhu cầu, tập quán giao tiếp và ứng xử của du khách, kỹ năng bán hàng... Đa dạng hoá các hình thức đào tạo từ gửi đi học các trường, lớp đào tạo bài bản, mở các lớp đào tạo dài hạn và ngắn hạn tại địa phương, tham quan học tập những mô hình du lịch hoạt động có hiệu quả để học hỏi kinh nghiệm cho tới đào tạo tại chỗ làm việc hay khuyến khích tự học, nghiên cứu tài liệu. Bên cạnh đó cũng cần liên kết với các cơ sở và chuyên gia đào tạo có uy tín để tổ chức đào tạo. Các đơn vị kinh doanh cũng cần có chính sách hỗ trợ nhân viên tham gia các khoá đào tạo như bố trí thời gian, cung cấp phương tiện hay một phần kinh phí đào tạo.

Đối với đội ngũ hướng dẫn viên cần phải tập trung tuyển chọn và đào tạo nhanh lớp hướng dẫn viên dẫn đường để đáp ứng được nhu cầu của du khách trong thời gian tới. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác đào tạo chính thức cho các hướng dẫn viên bản địa các kỹ năng về du lịch, đặc biệt là kiến thức về dân tộc, văn hoá, lịch sử, địa lý, môi trường và ý thức bảo vệ môi trường. Cùng với đó cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về phát triển kinh doanh du lịch.

3.3.6 Thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch

Để thu hút được cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động phát triển du lịch cần hỗ trợ đào tạo cộng đồng địa phương những kiến thức cơ bản nhất về chuyên môn nghiệp vụ du lịch với khối lượng kiến thức đơn giản nhất. Cần lưu ý rằng những người dân bản địa chỉ cần được đào tạo để biết cách phục vụ khách tốt hơn chứ không phải là những nhân viên chuyên nghiệp trong các nhà hàng, khách sạn lớn từ đó tránh đặt ra những yêu cầu vượt quá khả năng của họ. Đối với khách du lịch khi đến những bản làng dân tộc họ cần nhất sự mộc mạc và mến khách chứ không quan trọng hoá nghệ thuật phục vụ khách của dân bản địa. Hơn nữa cũng cần tránh làm phai mờ, mất dần đi những bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình phát triển cộng đồng.

Không chỉ quan tâm đến công tác đào tạo mà ngành du lịch cũng cần phải đáp ứng các nhu cầu cơ sở hạ tầng tối thiểu tại các cộng đồng dân cư tổ chức hoạt động du lịch bao gồm: đường đi thuận lợi, điện lưới, nước sạch và thông tin liên lạc. Bên cạnh đó cũng cần có chính sách hỗ trợ kinh phí giúp dân bản làm du lịch như các khoản vay ưu đãi nhỏ để họ có thể chuyển nuôi gia súc ra xa nhà ở, cải tạo nhà, làm vệ sinh tự hoại, trang bị hệ thống nước nóng và chăn ga gối đệm để có thể đón khách du lịch nghỉ qua đêm. Cho dù chưa đón được khách đến nghỉ thì chính người dân sẽ được hưởng lợi, chất lượng cuộc sống của họ tốt hơn từ những hỗ trợ cải tạo này.

Việc đảm bảo lợi ích cộng đồng, làm cho người dân hiểu được giá trị của họ thu được từ phát triển du lịch, đảm bảo cuộc sống của họ thì họ sẽ tích cực ủng hộ phát triển du lịch và tự giác thực hiện các thoả thuận bảo tồn, bảo vệ môi trường. Trước khi có thể thu hút được các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ tại Y Tý thì mỗi người dân nơi đây phải là những thành viên tích cực nhất trong việc giữ gìn nguyên vẹn môi trường tự nhiên và bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

3.3.7 Tăng cường xúc tiến, quảng bá cho điểm du lịch

Để góp phần vào sự phát triển du lịch ở Y Tý, tạo dựng được một hình ảnh hấp dẫn trong lòng du khách, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư thì công tác xúc tiến, tuyên truyền quảng cáo là một nhiệm vụ tất yếu và cần thiết. Đây thực sự trở thành một nội dung hoạt động quan trọng trong quá trình phát triển du lịch.

Công tác tuyên truyền quảng bá phải đạt được mục tiêu đưa hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và con người Y Tý đến với du khách trong và ngoài nước, để họ đến và ở lại với đất và con người nơi đây. Mời các chuyên gia, các hãng lữ hành lớn đến khảo sát các tuyến tham quan, khám phá những tour mới, lạ, độc đáo. Đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các tập đoàn kinh tế lớn, các tỉnh và thành phố trong và

ngoài nước tới khảo sát, đầu tư phát triển du lịch. Tiến hành hoạt động liên kết xúc tiến du lịch với các tỉnh khác trong khu vực, các công ty du lịch trong cả nước. Tập trung quảng bá, xúc tiến các sản phẩm du lịch tại các điểm đến. Tiến hành tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hoá du lịch hàng năm. Ngoài ra, hàng năm nên tổ chức các cuộc thi nghiên cứu, xây dựng khẩu hiệu cho du lịch Y Tý để từ đó định hướng phát triển sản phẩm du lịch.

Tiểu kết chương 3

Mỗi một vùng, một điểm khi tiến hành xây dựng các dự án để phát triển du lịch đều phải đề ra một số định hướng và giải pháp phù hợp với thực tế để các dự án đều có thể thực hiện được.

Đối với Y Tý để hoạt động du lịch có thể phát triển thì cần phải có định hướng phát triển cụ thể cũng như cần phải định hướng phát triển thị trường khách du lịch. Đồng thời cũng cần tiến hành một số giải pháp như xây dựng làng văn hoá du lịch cộng đồng, bảo tồn những ngôi nhà cổ của người Hà Nhi, tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch, tăng cường xúc tiến quảng bá cho điểm du lịch.

KẾT LUẬN

Y Tý, một vùng đất mà khi nhắc tên nhiều người sẽ nghĩ ngay đến là một nơi sản mây đẹp, là một nơi gắn với những hình ảnh mùa nước về, hình ảnh những thửa ruộng bậc thang rực rỡ sắc vàng vào mùa thu hoạch, nơi đây còn có những cảnh quan đẹp, những nét độc đáo của nền văn hoá độc đáo mang đậm truyền thống của người Hà Nhì, người Mông tại miền biên giới này.

Không ồn ào như thị trấn Sapa, không có nhà máy công nghiệp, không sầm uất buôn bán như thành phố Lào Cai, Y Tý nằm thanh bình giữa khu rừng nguyên sinh thơ mộng. Điều đặc biệt của Y Tý là mỗi mùa Y Tý lại mang một vẻ đẹp khác nhau, bản làng của người Hà Nhì nằm dưới các chân đồi với những ngôi nhà tường trình rêu phong, cổ kính. Từ trên cao nhìn xuống thung lũng Y Tý là những ruộng bậc thang uốn lượn và những nếp nhà cao thấp của đồng bào người Hà Nhì đẹp như một bức tranh.

Y Tý là vùng đất có nhiều dân tộc sinh sống nên đa dạng các loại hình văn hoá nghệ thuật, mang đậm bản sắc từng dân tộc. Cứ mỗi độ xuân về, trên các bản làng lại diễn ra các ngày hội với những câu hát, những điệu múa, múa gậy. Sau hội là các trò chơi đánh đu, đánh gu, kéo co...những trò chơi ca ngợi sự lao động bền bỉ và ước mơ một cuộc sống thanh bình, hạnh phúc.

Không chỉ có một nền văn hoá dân tộc đa dạng, đặc sắc mà nơi đây còn mang những nét văn hoá ẩm thực độc đáo, hấp dẫn. Bia Hà Nhì, nấm hương Y Tý, cải mèo, thắng cố, táo mèo,... đã làm nên sự độc đáo và mang đậm bản sắc quê hương của ẩm thực miền đất biên giới này.

Như vậy có thể thấy Y Tý có nhiều tài nguyên nhưng cho đến nay những tài nguyên này vẫn ở dạng tiềm năng chưa được khai thác để đưa vào phục vụ hoạt động du lịch. Chính vì thế cần đề ra những định hướng và giải pháp để Y Tý trở thành một điểm đến du lịch. Và du lịch trở thành một ngành mang lại hiệu quả kinh tế không chỉ cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch mà còn cho cả người dân địa phương, cho sự phát triển văn hoá xã hội của mảnh đất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Thị Hải Yến

Tuyển điểm du lịch Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục, 2007

Quy hoạch du lịch, Nhà xuất bản giáo dục, 2007

Nguyễn Minh Tuệ và nhóm các tác giả

Địa lý du lịch, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1999

Trần Đức Thanh

Nhập môn khoa học du lịch, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội, 2003

Tuyển tập của các tác giả

Y Tý bốn mùa như mây

Các trang web tham khảo

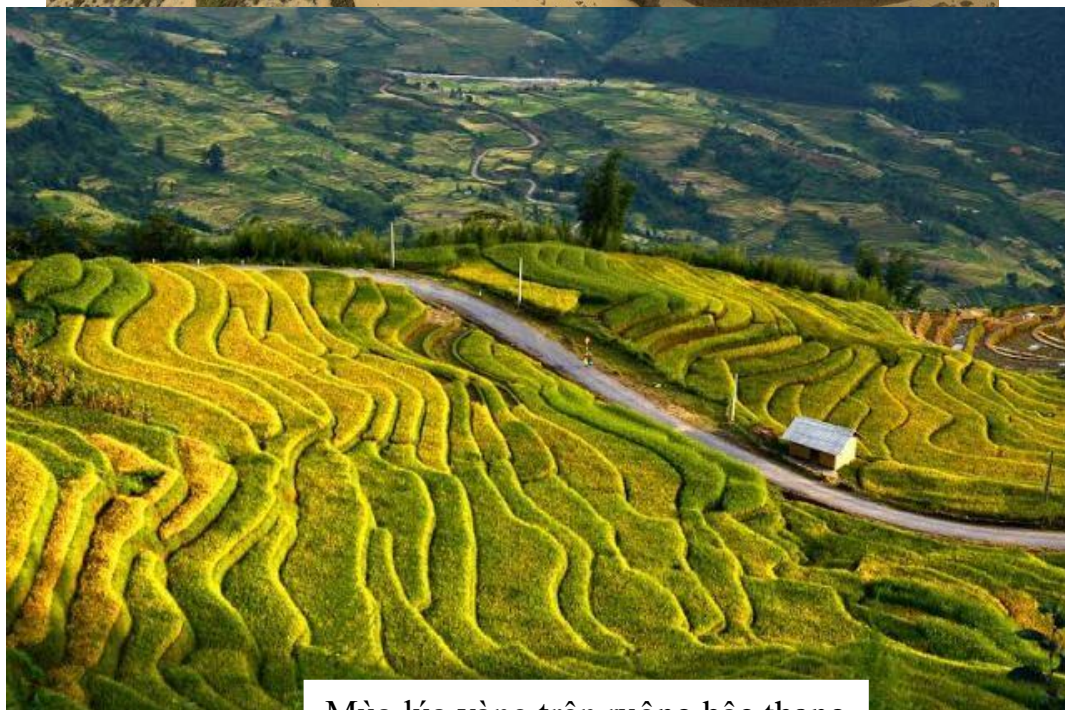
<http://www.vista.net.vn/thang-canh/rung-gia-y-ty.html>

<https://www.ivivu.com/blog/tag/y-ty/>

<https://www.baolaocai.vn/>



Mùa nước về trên ruộng bậc thang
Thè Pá



Mùa lúa vàng trên ruộng bậc thang





Nhà tường trình của người Hà Nhì



Công viên Y Tý Choản Thèn



Múa đầu năm của người
Hà Nhì



Le hội chùm chăn của người
Hà Nhì